

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG



Đạo cáo thường niên

2017



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG
Năm 2017

THÔNGIỆP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Với hơn 20 năm hoạt động, MASCO đã có 9 đơn vị thành viên tại 3 sân bay Đà Nẵng, Cam Ranh, Phú Bài hoạt động chuyên nghiệp và hiệu quả trong 4 lĩnh vực chính: suất ăn hàng không, vận chuyển hành khách bằng taxi, kinh doanh thương mại tại nhà ga hàng không, đào tạo lái xe và các hoạt động khác. Trong đó, Công ty xác định cung ứng suất ăn hàng không tại 03 sân bay sẽ là lĩnh vực nền tảng cho mọi hoạt động kinh doanh, kinh doanh taxi, thương mại - tạo sự ổn định về tài chính, đầu tư để tích lũy và tạo đà phát triển trong tương lai. Theo kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2016 – 2020, MASCO sẽ tiếp tục tăng trưởng ổn định, phát triển bền vững các hoạt động kinh doanh chính. Qua đó, Công ty sẽ tận dụng cơ hội mở rộng hợp tác đầu tư, ưu tiên khai thác những thế mạnh và năng lực cốt lõi có sẵn. Với nhiệm vụ đó, Công ty đã và đang đặt ra cho mình sứ mệnh, tầm nhìn và các chiến lược phát triển sau:

Sứ mệnh

Luôn phát triển và cung cấp các dịch vụ theo những yêu cầu cao nhất của khách hàng, dựa trên các giá trị cốt lõi của Công ty, chúng tôi cam kết về chất lượng hàng hóa dịch vụ, tính hiệu quả của chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, tinh thần đoàn kết của cán bộ CNV trong mọi hoàn cảnh và sự cống hiến cho khách hàng.

Trong khi duy trì vị trí dẫn đầu trong lĩnh vực cung cấp suất ăn hàng không cho các hãng hàng không trong nước và nước ngoài tại khu vực miền Trung, chúng tôi cũng cam kết một chiến lược đa dạng hóa ngành nghề để nắm bắt cơ hội phát triển mới, giảm sự phụ thuộc vào một nguồn thu nhập duy nhất và tạo thêm giá trị cho các cổ đông và người lao động;

Tầm nhìn

Để luôn trở thành một đơn vị cung ứng suất ăn trên tàu bay chủ đạo tại các sân bay tại khu vực miền Trung, chúng tôi không ngừng thực hiện quá trình cải tiến liên tục, đổi mới, và đáp ứng kịp thời các yêu cầu của khách hàng với những lợi ích tốt nhất của Công ty. Theo đó Công ty cần duy trì và cam kết:

Định hướng khách hàng: Cung cấp cho khách hàng những hàng hóa dịch vụ phù hợp với sự mong đợi của khách hàng và phù hợp với năng lực, giá trị cốt lõi của Công ty

Tinh thần đoàn kết của người lao động trong toàn Công ty

Tăng cường tính minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh, quan hệ khách hàng, cổ đông.

Phát triển bền vững dựa trên những năng lực, giá trị cốt lõi của Công ty.

Luôn cải tiến liên tục, đổi mới và Cam kết về chất lượng đối với các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ Công ty cung cấp.

Chiến lược

Công ty cam kết thực hiện và đáp các tiêu chuẩn được quốc tế công nhận và các quy định yêu cầu của địa phương đối với lĩnh vực, sản phẩm của Công ty cung cấp.

Công ty đảm bảo văn hóa an toàn tích hợp trong tổ chức của Công ty.

Công ty cam kết đảm bảo lợi ích hài hòa của các bên liên quan: người lao động, khách hàng, nhà nước và cổ đông.

BÁO CÁO T HƯỜNG NIÊN MASCO 2017

Công ty cam kết cung cấp những hàng hóa, dịch vụ tốt nhất, giá tốt nhất vượt quá mong đợi của khách hàng.

Công ty luôn tăng cường và duy trì khả năng cạnh tranh trong mọi hoàn cảnh, thời điểm.

Công ty hỗ trợ và phát triển nguồn nhân lực của Công ty đáp ứng yêu cầu của sản xuất và qui định của Pháp luật.

Công ty là đối tác ưu tiên của các nhà cung cấp hàng hóa dịch vụ đã được đánh giá và chứng nhận.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng của Quý cổ đông, Quý khách hàng, sự đồng thuận của các thành viên Hội đồng quản trị, sự tận tâm của ban điều hành và đặc biệt không thiếu sự nhiệt huyết, nỗ lực không ngừng của tập thể CBCNV Masco.

Trân trọng!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.

MỤC LỤC

Phần I THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Định hướng phát triển
5. Các yếu tố rủi ro

Phần II TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.
6. Các chỉ tiêu báo cáo tác động môi trường

Phần III BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Phần IV BÁO CÁO CỦA BAN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Phần V QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD, BKS

Phần VI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Tên tiếng anh	:	DANANG AIRPORT SERVICES JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	:	MASCO
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	:	0400102045 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 05/04/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 20/04/2017.
Vốn điều lệ	:	42.676.830.000 đồng
Vốn chủ sở hữu	:	42.676.830.000 đồng
Địa chỉ	:	Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Quận Hải Châu, Thành Phố Đà Nẵng
Số điện thoại	:	0236.3830340
Số fax	:	0236.3826133
Website	:	www.masco.com.vn
Mã cổ phiếu	:	MAS

2. Quá trình hình thành và phát triển

Những sự kiện quan trọng:

1991 : Công ty Dịch vụ cụm cảng hàng không sân bay miền Trung (Middle Airports Services Company – MASCO) trực thuộc Cục Hàng không dân dụng Việt Nam, được thành lập theo quyết định số 1808/QĐ-TCCBLĐ của Bộ Giao thông vận tải ngày 11/10/1991 trên cơ sở các bộ phận dịch vụ, xây dựng công trình hàng không tại các sân bay thuộc Cụm cảng Hàng không miền Trung (sân bay Đà Nẵng, Phú Bài, Nha Trang..) , thực hiện các dịch vụ cung ứng suất ăn, bán hàng bách hóa, dịch vụ ăn uống, kinh doanh ta-xi, xây dựng và sửa chữa các công trình hàng không

1995 : Công ty Cung ứng dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng trực thuộc Cục Hàng không dân dụng Việt Nam, được thành lập theo quyết định số 1808/QĐ-TCCBLĐ của Bộ Giao thông vận tải ngày 11/10/1991

1996 : Công ty Dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng là thành viên thuộc Tổng Công ty Hàng không Việt Nam theo quyết định số 328/CP ngày 27/5/1995 của Thủ tướng Chính Phủ.

Phạm vi hoạt động của công ty là cả khu vực miền Trung, cho đến thời điểm trước cổ phần hóa (05/4/2006) công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

1. Xí nghiệp cung ứng suất ăn,
 2. Xí nghiệp dịch vụ thương nghiệp,
 3. Chi nhánh công ty tại sân bay Phú Bài,
 4. Đội xe Taxi hàng không,
 5. Chi nhánh công ty tại sân bay Nha Trang, chi nhánh công ty tại Quảng
-

Nam,

6. Đại lý bán vé máy bay tại Đà Nẵng, Hội An, Tam Kỳ,

7. Cửa hàng kinh doanh tổng hợp,

8. Trung tâm dịch vụ quảng cáo

2006	<p>: Thực hiện chủ trương cổ phần hóa của Chính phủ, theo quyết định số 372TTg ngày 04/04/2003, ngày 23/9/2005 Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng (MASCO) thành Công ty cổ phần. Ngày 03/03/2006 Công ty tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 03/03/2006 và thông qua điều lệ hoạt động. Vốn điều lệ của Công ty 15.000.000.000 đồng.</p> <p>Ngày 05/04/2006, Công ty Cổ phần chính thức đi vào hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000950 (Nay đổi thành số 0400102045) do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp</p>
2007	<p>Ngày 12/6/2007, Công ty hoàn thành thủ tục đăng ký và trở thành công ty đại chúng theo pháp luật.</p> <p>Công ty đã được trao tặng bằng khen huân chương lao động hạng Ba do Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam trao tặng.</p>
2009	<p>: Công ty đã đăng ký giao dịch trên sàn UpCOM và được Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận. Giao dịch chính thức được thực hiện từ ngày 09/09/2009.</p>
2014	<p>: Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 350/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 30/06/2014 với mã chứng khoán MAS.</p>
Đến nay	<p>: Đến nay, trải qua hơn 25 năm (1991-2017) kể từ khi thành lập, cùng với sự phát triển chung của nền kinh tế nói chung và ngành Hàng không nói riêng, MASCO ngày càng lớn mạnh và đóng vai trò quan trọng trong kinh doanh dịch vụ tại các cảng Hàng không sân bay miền Trung với các đơn vị trực thuộc.</p>

Những thành tích hoạt động, giải thưởng nổi bật trong năm 2017

- ✓ Top 30 doanh nghiệp có quản trị Công ty tốt nhất sàn HNX năm 2017.
- ✓ Danh hiệu tập thể lao động xuất sắc năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải.
- ✓ Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng tặng Bằng khen vì đã có thành tích thực hiện tốt chính sách pháp luật thuế năm 2016.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh:

- Cung cấp suất ăn, vật dụng và dụng cụ trên tàu bay; vận chuyển hành khách, tổ lái, tiếp viên tại các sân bay;
- Kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa bằng ô tô, Taxi nội tỉnh và liên tỉnh;
- Kinh doanh hàng miễn thuế, hàng mỹ nghệ, lưu niệm;
- Kinh doanh gia công may mặc;
- Kinh doanh khách sạn, du lịch; Hướng dẫn và đưa đón khách du lịch;
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Khai thác kỹ thuật thương mại hàng không;
- Đại lý vé máy bay;
- Đại lý vận tải hàng hóa bằng đường hàng không, đường sắt;
- Kinh doanh nhà hàng ăn uống giải khát, rượu bia, thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Đào tạo dạy nghề lái xe ô tô, mô tô các hạng

Địa bàn kinh doanh:

Hiện tại Công ty hoạt động kinh doanh trên ba sân bay lớn tại miền Trung: Đà Nẵng, Phú Bài, Cam Ranh và được phân thành hai nhóm thị trường dựa vào tần suất bay và lưu lượng hành khách.

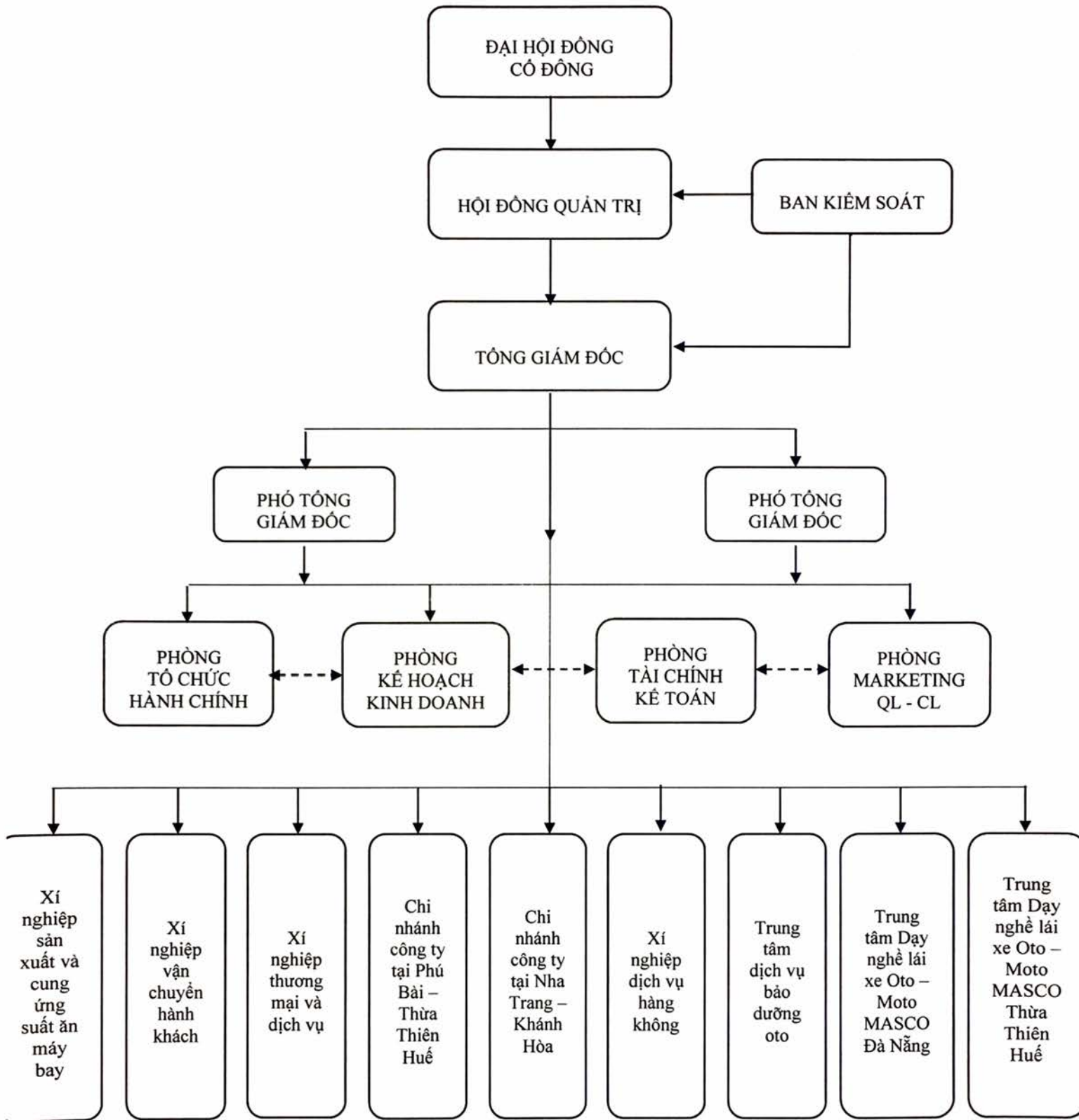
- Nhóm 1: là nhóm có sân bay có tần suất bay, dung lượng thị trường cao nhất. Nhóm này chỉ có 1 sân bay là sân bay Đà Nẵng.
- Nhóm 2: là nhóm có sân bay có tần suất bay, dung lượng thị trường trung bình. Nhóm này có 2 sân bay là sân bay Phú Bài và sân bay Cam Ranh..

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị

- Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo qui định của Luật Doanh nghiệp và các qui định pháp luật liên quan.
- **Đại hội đồng cổ đông:** Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- **Ban Tổng giám đốc:** Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- **Ban kiểm soát:** Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của công ty.

Cơ cấu bộ máy quản lý



Các chi nhánh, đơn vị trực thuộc

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN MASCO 2017

Tên Đơn vị : Chi nhánh Phú Bài Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng

Địa chỉ : Tổ 18, Phường Phú Bài, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Tên Đơn vị : Chi nhánh Nha Trang Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng

Địa chỉ : Sân bay Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, TP. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Tên Đơn vị : Trung tâm dạy nghề lái xe ô tô, mô tô Masco Đà Nẵng

Địa chỉ : 21 Núi Thành, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Tên Đơn vị : Trung tâm dạy nghề lái xe ô tô, mô tô Masco Thừa Thiên Huế

Địa chỉ : 34-36 Nguyễn Lương Bằng, TP. Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Tên Đơn vị : Xí nghiệp Vận chuyển hành khách

Địa chỉ : Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Tên Đơn vị : Xí nghiệp Sản xuất và Cung ứng suất ăn máy bay

Địa chỉ : Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Tên Đơn vị : Xí nghiệp Dịch vụ hàng không

Địa chỉ : Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Tên Đơn vị : Xí nghiệp Thương mại và Dịch vụ

Địa chỉ : Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Tên Đơn vị : Trung tâm Dịch vụ bảo dưỡng ô tô

Địa chỉ : Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Công ty con, công ty liên kết

Không có.

5. Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Phát triển vững mạnh và hài hòa theo định hướng đến năm 2020 trở thành Công ty đủ lớn và thật sự mạnh trong ngành kinh doanh dịch vụ hàng không, từng bước mở rộng đến các ngành nghề kinh doanh mới: kinh doanh các dịch vụ tiện ích tại các sân bay khu vực miền Trung (ngân hàng, đại lý du lịch, thuê xe, khách sạn, dịch vụ chiếu phim, sức khỏe, giải trí khác..); kinh doanh vận chuyển du lịch, kinh doanh khách sạn.

Dự kiến quy mô của MASCO có từ 01 đến 03 Công ty thành viên, với cơ cấu vốn góp chủ yếu là những nhà đầu tư chiến lược có mối quan hệ mật thiết, quy mô nhân lực từ 700 đến 1.000 người, tổng phương tiện ta-xi trên 200 đầu xe, diện tích kinh doanh 20.000m².

- *Về thị phần:* dự kiến Công ty sẽ mở rộng các thị trường hiện có tại Khánh Hòa, Thừa Thiên Huế. Về Sân bay Đà Nẵng, MASCO sẽ có thị phần ổn định từ 50 – 60% dung lượng thị trường kinh doanh dịch vụ hàng không.
- *Về chức năng hoạt động:* MASCO sẽ tham gia đầy đủ các chức năng thương mại dịch vụ hàng không, với tiêu chuẩn hiện đại, tại các sân bay khu vực miền Trung.
- *Về chính sách chất lượng:*
 - Thực hiện, duy trì và không ngừng cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, tiến đến áp dụng hệ thống kiểm soát an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến thực phẩm ISO 22000-2005.
 - Luôn hướng mọi nguồn lực tập trung cho việc thỏa mãn các yêu cầu hợp lý của khách hàng, của xã hội cho hiện tại và tương lai.
 - Thường xuyên hoàn thiện và đổi mới để chất lượng và dịch vụ không ngừng nâng cao.
 - Sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp gắn liền với sự duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng, vì mục đích cuối cùng là phục vụ khách hàng ngày một tốt hơn.
- *Về tài chính:*
 - Duy trì tình hình tài chính lành mạnh và ổn định trong xu thế vận động và phát triển.
 - Tăng cường vốn cho đầu tư, đảm bảo an toàn và hoạt động hiệu quả.
- *Về nhân lực:*
 - Hơn 20 năm phát triển và trưởng thành, MASCO tự hào đã xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, kết hợp hài hòa giữa truyền thống tốt đẹp của doanh nghiệp đã được xây dựng và vun đắp qua các thời kỳ và quy trình quản lý khoa học theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.
 - Luôn xem nhân lực là tài sản vô giá, là yếu tố then chốt đã mang lại thành công vượt bậc cho Công ty trong những năm gần đây.
 - MASCO luôn cam kết và đảm bảo cung cấp các điều kiện cần thiết, tương xứng xứng đáng để nhân viên phát huy tối đa năng lực của mình

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Kiên trì với năng lực cốt lõi trong kinh doanh dịch vụ thương mại hàng không, cung ứng suất ăn trên tàu bay, dịch vụ ta-xi, dịch vụ quảng cáo tại sân bay và trên ta-xi...
- Tăng cường đầu tư và mở rộng dịch vụ vận chuyển hành khách bằng ta-xi, giữ vững và phát huy lợi thế, năng lực cạnh tranh của MASCO trước các đối thủ cạnh tranh. Đặc biệt chú trọng đầu tư và mở rộng ngành nghề kinh doanh tại Chi nhánh Cam Ranh và Chi nhánh Phú Bài nhằm tương xứng với sự phát triển tại địa phương và nhu cầu của khách hàng.
- Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh vận chuyển Ta-xi.
- Tích cực chuẩn bị và phát triển dự án mới, mở rộng liên doanh, liên kết, tạo điều kiện phát triển cả chiều rộng và chiều sâu, ưu tiên trong ngành và các ngành nghề tận dụng được năng lực cốt lõi của Công ty: Dịch vụ cung ứng suất ăn trên tàu bay; Ta-xi tại chi nhánh

Phụ Bài, Du lịch, Nhà hàng, Khách sạn và các dịch vụ tiện ích phi hàng không tại các sân bay khu vực miền Trung.

- Mở rộng chức năng sản xuất, gia công may mặc hiện nay thông qua việc đầu tư nhân lực, cơ sở vật chất hiện đại nhằm vừa nâng cao năng lực sản xuất phù hợp với yêu cầu của các Hãng hàng không, Hãng vận chuyên du lịch trong nước (sản phẩm chăn dạ kính che mắt) và sản phẩm hàng hóa cho lĩnh vực thương mại tại Công ty; đặc biệt là sản phẩm may mặc mang tính thời trang, bản sắc văn hóa dân tộc phù hợp thị hiếu của khách hàng trong và ngoài nước.
- Cũng cố, tăng cường chất lượng bộ máy nhân sự, nâng cao tính chuyên nghiệp kết hợp với việc phát triển văn hóa Doanh nghiệp

Các mục tiêu phát triển bền vững

Với tầm nhìn dài hạn, MASCO xác định các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là lĩnh vực kinh doanh dịch vụ hàng không và phi hàng không. Phương châm của chúng tôi là sự phát triển bền vững của Công ty được xây dựng trên cơ sở tăng trưởng hiệu quả thông qua việc sử dụng nguồn lực một cách hợp lý kết hợp với việc giảm thiểu ô nhiễm và tác động môi trường, đem lại các lợi ích cho khách hàng, cổ đông và không ngừng nâng cao lợi ích của cán bộ công nhân viên và trách nhiệm doanh nghiệp đối với xã hội.

6. Các nhân tố rủi ro

Rủi ro kinh tế

Tăng trưởng kinh tế

Kinh tế - tài chính thế giới trong năm 2017 vẫn còn nhiều diễn biến phức tạp, khủng hoảng tài chính toàn cầu, cùng với quá trình già hóa dân số đã gây ảnh hưởng lâu dài đến năng suất của các nền kinh tế phát triển.

Đối với nền kinh tế Việt Nam, trong năm 2017 các chỉ số kinh tế vĩ mô tiếp tục tăng trưởng, cụ thể tăng trưởng 6.81% trong năm 2017, mức cao nhất trong vòng 10 năm trở lại đây. Tăng trưởng GDP đã vượt qua chỉ tiêu được Quốc Hội đặt ra trước đó là 6.7%. Năm ngoái tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt 6.21% cho thấy kinh tế Việt Nam vẫn giữ được đà tăng trưởng.

Thị trường tiền tệ ổn định trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động; Thị trường chứng khoán diễn biến tích cực. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn còn bộc lộ những tồn tại cần lưu ý: tỷ lệ nợ công và bội chi ngân sách còn cao; xử lý nợ xấu chưa triệt để trong khi quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo chiều sâu còn chậm, những hạn chế này có thể tiềm ẩn rủi ro trong dài hạn nhất là trong bối cảnh diễn biến chính trị-kinh tế thế giới trở nên khó lường hơn sau sự kiện Brexit.

Những rủi ro kinh tế trên, nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam nói chung, và Cổ phiếu Công ty cổ phần dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng cũng không nằm ngoài sự tác động trên.

Tỷ giá

Nhìn chung, đa phần các hoạt động của Công ty Cổ phần dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng đều thanh toán bằng đồng Việt Nam nên kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty không chịu tác động trực tiếp của rủi ro tỷ giá.

Tuy nhiên nguồn thu của Công ty phụ thuộc vào lưu lượng khách hàng của ngành hàng không, trong khi đó ngành này lại có kết quả hoạt động kinh doanh chịu ảnh hưởng rất lớn từ sự biến động tỷ giá. Đặc biệt trong giai đoạn khủng hoảng tài chính, chênh lệch tỷ giá giữa các nước có hãng hàng không bay đi và bay đến biến động từng giờ từng phút khi chuyển tiền bán vé bằng đồng bản tệ sang đồng USD, hệ quả là các hãng hàng không bị lỗ và dừng bay trong thời gian dài. Cùng trong lĩnh vực Hàng không, hoạt động của Công ty không thể tránh

khởi sự ảnh hưởng này.

Lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro xuất phát từ quản trị công ty yếu kém là rủi ro tiềm ẩn, nhưng có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp, gây thiệt hại cho cổ đông. Các nhóm sự kiện chính liên quan đến rủi ro quản trị là:

Gian lận nội bộ, gian lận bên ngoài: tổn thất do các sự kiện gian lận, lừa đảo, chiếm đoạt tài sản, giả mạo hồ sơ chứng từ, biên thủ tham ô tài sản ngân hàng, phá hoại tài sản công ty, trộm cắp tổng tiền... do nhân viên công ty gây ra hoặc tiếp tay cho tội phạm bên ngoài.

Chính sách lao động và môi trường làm việc: khả năng tổn thất do Công ty không xử lý đúng quy định, không thỏa đáng các chính sách lương thưởng và nhân sự, không đảm bảo quyền lợi cho người lao động - một trong các nhóm lợi ích liên quan được đề cập ở trên trong quản trị doanh nghiệp.

Khách hàng, sản phẩm dịch vụ và thực tiễn môi trường kinh doanh: khả năng tổn thất phát sinh từ các lỗi, sai sót không cố ý hoặc do sơ suất trong việc đáp ứng các trách nhiệm nghề nghiệp đối với khách hàng, hoặc không tuân thủ đúng các thực tiễn, các tiêu chuẩn thực hành của môi trường kinh doanh. Đây là một mục tiêu chính của quản trị doanh nghiệp.

Tài sản cố định, công cụ, dụng cụ bị mất mát hoặc bị phá hoại do thiên tai hoặc các sự kiện bên ngoài khác như khủng bố, chiến tranh, cháy nổ. Giám đoạn hoạt động hoặc lỗi hệ thống công nghệ thông tin.

Cơ cấu cổ đông chưa hiệu quả, tỷ lệ sở hữu quá phân tán, hoặc có nhiều nhóm cổ đông lớn nhưng không đồng thuận. Mặc dù doanh nghiệp quan tâm đầu tư cho khâu tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm để tạo dựng hình ảnh, mời các chuyên gia phân tích, các nhà đầu tư có tổ chức đến dự, phóng viên đến đưa tin..., nhưng khi biểu quyết các vấn đề tại đại hội thì không thông qua được do không dung hòa được những mâu thuẫn lợi ích khi xây dựng kế hoạch tăng vốn, kế hoạch triển khai dự án, kế hoạch chi trả cổ tức

Hoạt động quan hệ cổ đông: Hoạt động quan hệ cổ đông tốt không chỉ nằm ở việc tạo dựng các kênh thông tin cho cổ đông, mà còn ở việc bản thân doanh nghiệp ứng phó như thế nào trước các tình huống xấu để duy trì được lòng tin của cổ đông.

Trong bất kỳ ngành nghề kinh doanh nào, lựa chọn cơ cấu quản trị, cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro phù hợp là nền tảng cần thiết đối với chiến lược quản trị rủi ro của doanh nghiệp. Để có thể đạt hiệu quả cao nhất, khung quản trị rủi ro của doanh nghiệp cần được thiết kế phù hợp với văn hóa và chiến lược của công ty. Đánh giá đúng vai trò của quản trị công ty và quan tâm đến quản trị công ty từ những vấn đề cơ bản nhất là giải pháp hữu hiệu để phòng ngừa rủi ro.

Rủi ro đặc thù

Rủi ro cạnh tranh

Hiện nay, tại nhà ga Quốc tế Đà Nẵng và Cam Ranh, đã có thêm các đơn vị mới tham gia vào ngành để kinh doanh các dịch vụ mà Công ty đã thực hiện và sẽ là đối thủ cạnh tranh mạnh mẽ đối với Công ty trong thời gian đến.

Đối với lĩnh vực Ta-xi: Trong lĩnh vực kinh doanh ta-xi, do mức giá được được xây dựng theo chủng loại xe của Hiệp hội Ta-xi tương đối ổn định, nên các công ty cạnh tranh với nhau

chủ yếu bằng chất lượng: phương tiện vận chuyển, dịch vụ gia tăng và tính chuyên nghiệp. Tuy nhiên sự xuất hiện của Taxi công nghệ cũng là một yếu tố cạnh tranh lớn đối với hoạt động kinh doanh taxi nói riêng và của Công ty nói chung.

Rủi ro đặc thù ngành

Là đơn vị hoạt động kinh doanh trong ngành Hàng không và có liên quan chặt chẽ đến ngành du lịch trong nước, quốc tế và mức độ quan tâm thích đáng của các địa phương nơi Công ty hoạt động kinh doanh. Do vậy Công ty có những rủi ro về thị trường mang tính đặc thù của ngành như rủi ro về tình hình nền kinh tế, môi trường dịch bệnh, về điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, rủi ro về thời tiết khí hậu.

Về tình trạng dịch bệnh: Nước Việt Nam ở vùng nhiệt đới gió mùa khí hậu nóng ẩm, môi trường ô nhiễm cao thường phát sinh các loại dịch bệnh, mặc dù Nhà nước đã có nhiều biện pháp phòng ngừa, nhưng khách du lịch nước ngoài cũng hạn chế vào Việt Nam khi nghe thông tin về dịch bệnh tại Việt nam.

Về rủi ro về an toàn thực phẩm: Hàng hoá của Công ty để sản xuất chế biến phục vụ khách hàng chủ yếu là hàng tươi sống, đối tượng cung cấp đa dạng, mang tính thời vụ...nhưng việc bảo đảm chất lượng của hàng hoá phải tuân thủ rất nghiêm ngặt các quy trình an toàn vệ sinh thực phẩm, kiểm dịch của nhà nước..., đây là rủi ro tiềm tàng có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro luật pháp

Rủi ro về luật pháp là những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Để tăng cường hiệu quả quản lý cũng như tạo hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp tăng trưởng và phát triển, Nhà nước đã thực hiện ban hành một loạt các hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Công ty cổ phần Dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn liên quan. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất của Công ty chịu sự quản lý chặt chẽ về điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm và an ninh an toàn hàng không của các cấp quản lý nhà nước.

Việt Nam đang trong quá trình phát triển và hội nhập với kinh tế thế giới, mọi sự thay đổi về chính sách quản lý cũng như sự thay đổi về các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động của các doanh nghiệp nói chung cũng như của các doanh nghiệp trong ngành luôn có thể xảy ra, ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh... đều gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Để hạn chế tối đa thiệt hại, Công ty đã tham gia vào các hợp đồng bảo hiểm cho các tài sản và công trình xây dựng của Công ty.

II. Tình hình hoạt động SXKD trong năm 2017

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết thúc năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh của MASCO như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2017	2016	% Tăng/ Giảm
1	Doanh thu thuần	Tr.đồng	292.992,45	296.112,02	-1,05%
2	Giá vốn hàng bán	Tr.đồng	216.727,40	216.740,34	-0,01%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	Tr.đồng	337,85	549,73	-38,54%
4	Chi phí tài chính, bán hàng, quản lý DN	Tr.đồng	30.671,81	26.835,37	14,30%
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr.đồng	46.461,06	53.086,04	-12,48%
6	Lợi nhuận khác	Tr.đồng	3.005,17	2.537,74	18,42%
7	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	49.466,24	55.623,78	-11,07%
8	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	39.650,29	44.664,21	-11,23%
9	EPS	Tr.đồng	10.116	13.046	-22,46%

Trong năm 2017, chỉ tiêu doanh thu thuần tăng trưởng vượt kế hoạch tuy có giảm nhẹ so với năm 2016, giảm 1,05% so với 2016. Doanh thu vượt KH chủ yếu ở lĩnh vực suất ăn quốc tế, bán hàng bách hóa trong sân bay và dịch vụ taxi. Lý do chính là do lượng khách du lịch đi và đến tại Đà Nẵng, Nha Trang tăng trưởng mạnh hơn so với tỷ lệ dự báo của Công ty.

Tổng các chi phí tài chính, bán hàng, quản lý doanh nghiệp có tăng 14,30% so với năm 2016 do giá bán giảm (trong khi các yếu tố đầu vào không giảm và có xu hướng tăng) để đáp ứng sự tăng trưởng của hoạt động sản xuất kinh doanh trong bối cảnh cạnh tranh. Tuy nhiên, do Công ty trong năm qua đã kiểm tra rà soát lại các định mức tiêu hao không phù hợp trong sản xuất và áp dụng điều chỉnh triệt để, thực hiện phong trào tiết kiệm toàn Công ty nên góp phần làm giảm chi phí vật tư, giá vốn hàng bán.

Tình hình thực hiện chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	Thực hiện/Kế hoạch
VCSH bình quân	Triệu đồng	43.528	36.382	83,58%
Doanh thu thuần		269.017	292.992	108,91%
Lợi nhuận trước thuế		42.887	49.466	115,34%
Tổng mức đầu tư		79.513	55.996	70,42%

Đánh giá về tổng quan, các chỉ tiêu kế hoạch được đề ra trong Nghị quyết ĐHCĐ thường niên và điều chỉnh ở ĐHCĐ bất thường về cơ bản đã hoàn thành một cách xuất sắc. Doanh thu thuần và lợi nhuận trước thuế đều vượt mức kế hoạch, lần lượt là 8,91% và 15,34%.

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành

Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/ Vốn điều lệ
Nguyễn Thanh Đông	Tổng giám đốc	187.046	4,38%
Phạm Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	1.000	0,02%
Trần Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	16.329	0,38%
Phan Hữu Tâm	Kế toán trưởng	-	-

Danh sách cổ đông chốt ngày 05/09/2017

Sơ yếu lý lịch

Ông Nguyễn Thanh Đông – Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

- 07/1993 – 10/1994: Cán bộ Công ty Cụm cảng HK Sân bay Miền Trung
- 11/1994 – 10/1998: Giám đốc Xí nghiệp Cung ứng Suất ăn – Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng
- 11/1998 – 03/2006: Bí thư Đảng ủy; Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng
- 04/2006 – 2015: Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng
- 04/2016 – Nay: Tổng Giám đốc; Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng.

Ông Phạm Văn Hà – Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

- 01/1993 – 11/2004: Đảng viên; Bí thư Chi bộ; Giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ Thương nghiệp – Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng.
- 12/2004 – 03/2006: Phó Bí thư Đảng ủy; Phó Giám đốc Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng.
- 04/2006 – Nay: Đảng ủy viên; Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng.

Ông Trần Thanh Hải – Phó Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn Thạc sĩ quản trị kinh doanh

- Quá trình công tác**
- 11/1991 – 10/1993: Kế toán TH – Công ty Dịch vụ và Vật tư Lâm nghiệp Đà Nẵng
 - 11/1993 – 10/1999: Kế toán TH – Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng
 - 11/1999 – 3/2006: Đảng viên, Bí thư Chi bộ; Đảng Ủy viên; Kế toán trưởng – Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng
 - 04/2006 – 2011: Đảng Ủy viên; Kế toán trưởng Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng
 - 06/2011 – Nay: Phó Tổng Giám đốc, ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng

Ông Phan Hữu Tâm – Kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế

- Quá trình công tác**
- 08/2004 – 09/2006: Kế toán tổng hợp Công ty Thép Đà Nẵng
 - 10/2006 – 09/2010: Kiểm toán viên Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán AAC
 - 10/2010 – 11/2011: Phó phòng KT – TC Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng
 - 11/2011 – Nay: Kế toán trưởng kiêm Người công bố thông tin Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng

Những thay đổi trong ban điều hành: không có.

Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Tính đến ngày 31/12/2017 tổng số lao động của Công ty là 636 người, trong đó có 423 nam và 213 nữ. Cơ cấu lao động của Công ty thể hiện như sau:

STT	Phân loại lao động	Tại ngày 31/12/2017	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ lao động	636	
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	118	18,55%
2	Trình độ Cao đẳng	37	5,82%
3	Trình độ Trung cấp	68	10,69%
4	Lao động khác	413	64,94%
II	Theo Tính chất của hợp đồng lao động	636	
1	Hợp đồng có thời hạn dưới 1 năm	41	6,45%
2	Hợp đồng có thời hạn từ 1 – 3 năm	343	53,93%

3	Hợp đồng không xác định thời hạn	252	39,62%
---	----------------------------------	-----	--------

- *Chính sách đối với người lao động*

Chính sách đối với người lao động của Công ty được áp dụng theo chuẩn mực của Bộ luật lao động. Các nội dung được thể hiện trong thỏa ước lao động của Công ty đã thể hiện chính sách ưu đãi cho người lao động, trong đó các chế độ như: chế độ lương, tiền thưởng, BHXH, BHYT, bảo hộ lao động,... được quan tâm thực hiện tốt.

- *Chế độ làm việc*

Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, nghỉ trưa 2h. Khi có yêu cầu công việc, người lao động có thể đăng ký làm thêm giờ nhưng không quá 4h/ngày hoặc 200h/năm phù hợp với Bộ luật lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Công ty cam kết tạo việc làm cho người lao động thông qua việc định hướng phát triển Doanh nghiệp, mở rộng thị phần của Công ty, Công ty tổ chức nguồn nhân lực một cách tối ưu nhất và cam kết luôn tạo điều kiện để cho nhân viên phát triển và thăng tiến trong nghề nghiệp.

- *Nghỉ phép, lễ, tết*

Nhân viên được nghỉ lễ và tết 9 ngày theo quy định của Bộ luật lao động và được hưởng nguyên lương. Những nhân viên làm việc từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép theo chế độ mỗi năm.

- *Điều kiện làm việc*

Văn phòng công ty thoáng mát, Công ty cấp đồng phục cho cán bộ công nhân viên (CBCNV), đầu tư các trang thiết bị hiện đại, trang bị đầy đủ các thiết bị an toàn lao động. Công ty cam kết xây dựng cho tất cả CBCNV môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện để CBCNV phát huy hết khả năng và sức sáng tạo của mình.

- *Đảm bảo việc làm cho người lao động*

Để đảm bảo việc làm cho hơn 600 lao động, Ban Tổng Giám đốc Công ty luôn tìm cách đa dạng hóa ngành nghề, tìm kiếm những khách hàng tiềm năng, những đối tác mới trong và ngoài nước, mở rộng thị trường kinh doanh.

- *Chế độ lương*

Công ty thực hiện việc chi trả lương cho nhân viên dựa vào cấp công việc của nhân viên, năng lực, chức vụ, thang bảng lương, và điều kiện kinh doanh của Công ty. Công ty thực hiện chế độ nâng lương cho CBCNV hàng năm và có sự quan tâm thường xuyên đến thu nhập, đời sống CBCNV.

- *Chế độ thưởng*

Nhằm khuyến khích động viên CBCNV trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng thiết thực, phúc lợi đảm bảo đầy đủ. Chính sách khen thưởng hàng quý, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc, thực hiện khen thưởng xứng đáng, kịp thời để khuyến khích động viên và phát huy tinh thần sáng kiến cải tiến, nâng cao hiệu quả trong công việc, tiết giảm chi phí, tăng tính cạnh tranh, thưởng đặc biệt đối với những nhân viên giỏi và có nhiều sáng kiến cải tiến công việc trong Công ty.

- *Bảo hiểm và phúc lợi*

Công ty tham gia đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho tất cả CBCNV.

- *Tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên*

Công đoàn và đoàn thanh niên Công ty hoạt động khá hiệu quả tạo điều kiện cho CBCNV

Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và sức khỏe. Thường xuyên tổ chức đi tham quan, sinh hoạt, học tập,... nhân các ngày lễ lớn trong năm, khen thưởng cho con CBCNV trong Công ty có thành tích học tập tốt. Đoàn thanh niên là tổ chức đi đầu trong phong trào thi đua, là nơi phát triển của thanh niên tạo lực lượng quản lý kế thừa được đào tạo bài bản, vững chắc trong tương lai.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng cam kết các chính sách đối với người lao động trong Công ty là nhất quán và luôn hướng tới người lao động để tạo một đội ngũ nguồn nhân lực được phát triển toàn diện, chuyên nghiệp và gắn bó lâu dài vì mục tiêu chung của Công ty.

- *Chính sách tạo nguồn nhân lực*
- *Tuyển dụng:*

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút nhân sự có năng lực vào làm việc tại Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng. Song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng yêu cầu cơ bản như: trình độ chuyên môn, tốt nghiệp đúng chuyên ngành, năng động, nhiệt tình, ham học hỏi, có ý thức sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, quản lý và trình độ ngoại ngữ, tin học,... Ngoài lực lượng sẵn có tại đơn vị, Công ty cũng chú trọng bổ sung nguồn nhân lực có chất lượng cao để ngày càng phát triển bộ máy nhân sự đáp ứng kịp thời đòi hỏi của quá trình cạnh tranh và phát triển.

- *Đào tạo:*

Công ty luôn luôn coi trọng con người là tài sản quý giá của Doanh nghiệp và để phát huy hiệu quả nguồn vốn này, công ty kết hợp chặt chẽ giữa vấn đề đào tạo và phát triển nhân viên, luôn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khóa huấn luyện nội bộ và bên ngoài để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, học tập những kỹ năng mới cần thiết cho nhân viên để phát triển năng lực công tác nhằm đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại cũng như trong tương lai của Công ty. Công ty tài trợ 100% chi phí học tập cũng như chế độ lương trong thời gian học tập, những nhân viên có thành tích học tập khá trở lên sẽ được khen thưởng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Tổng mức kế hoạch đầu tư năm 2017 được phê duyệt là 79,513 tỷ đồng.

Tổng mức thực hiện năm 2017 là 55,996 tỷ đồng đạt 70,42% so với kế hoạch.

+ Dự án chuyển tiếp 2016 sang năm 2017 : Mở rộng Nhà chế biến suất ăn CXR giai đoạn II đã xây dựng hoàn thành 100% khối lượng công trình . Giá trị khối lượng hoàn thành trong năm 2017 là 18,517 tỷ đồng tăng 15,73% so với KH. Tuy nhiên, công trình chưa hoàn thành thủ tục quyết toán do hiện nay vẫn đang còn chờ đơn vị kiểm toán kiểm tra khối lượng nên giá trị giải ngân của Công trình trong năm 2017 là 15,811 tỷ đồng đạt 98,82% so với KH.

+ Dự án đầu tư mới 2017	: 37.497 tỷ đồng, trong đó :
++ Máy móc thiết bị	: 35,395 tỷ đồng
++ Thiết bị máy móc lẻ	: 0,934 tỷ đồng
++ XD bể xử lý nước thải	: 0,985 tỷ đồng
++ XD kho bánh mì, bếp TM	: 0,165 tỷ đồng

Các hạng mục không thực hiện đầu tư trong năm 2017 bao gồm :

+ Đầu tư 20 xe taxi mới do tình hình kinh doanh taxi trong năm 2017 không được thuận lợi, cạnh tranh gay gắt giữa các hãng taxi truyền thống với Grab, Uber và Công ty

không được UBND thành phố cho phép tăng đầu xe trong năm 2017 nên công ty quyết định giãn tiến độ đầu tư không thực hiện trong năm 2017 mà chuyển sang kế hoạch năm 2018.

+ Cải tạo sửa chữa tuyến đường nội bộ vào cổng 1A của Cảng HKQT Cam Ranh, do Cục HK giao cho PA chủ trì triển khai nên tiến độ chậm, không thực hiện trong năm 2017 chuyển tiếp sang năm 2018 thực hiện. Tiến độ dự án đến 31/12/2017: Hoàn thành hồ sơ thiết kế, dự toán công trình, Hoàn thành hồ sơ đấu thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu thi công công trình, Hoàn thành lựa chọn đơn vị tư vấn giám sát công trình.

Về dự án xây dựng cơ sở chế biến SA Đà Nẵng : ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 đã thông qua chủ trương và giao HĐQT MASCO triển khai giai đoạn chuẩn bị đầu tư xây dựng cơ sở chế biến SA Đà Nẵng. Trong năm 2017, Công ty đã lập hồ sơ thủ tục xin thuê đất và nhiều lần làm việc với Cục Hàng không xin chấp thuận chủ trương thuê đất tại sân bay Quốc tế Đà Nẵng để triển khai thực hiện dự án, nhưng đến nay vẫn chưa nhận được trả lời chính thức của Cục Hàng không do thay đổi quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình tại các Cảng HKSB nên phải chờ Bộ giao thông vận tải phê duyệt và ban hành quy chế mới. Vì vậy, dự án xây dựng cơ sở chế biến suất ăn Đà Nẵng trong năm 2017 Công ty chưa thực hiện được.

4. Tình hình tài chính

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	154.239,89	127.386,56	21,08%
Doanh thu thuần		292.992,45	296.112,02	-1,05%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		46.461,06	53.086,04	-12,48%
Lợi nhuận khác		3005,17	2.537,74	18,42%
Lợi nhuận trước thuế		49.466,24	55.623,78	-11,07%
Lợi nhuận sau thuế		29.650,29	44.664,21	-33,62%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2016
<i>Chi tiêu về khả năng thanh toán</i>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,65	1,12
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,50	0,92
<i>Chi tiêu về cơ cấu vốn</i>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	57,95%	50,72%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	137,80%	102,93%
<i>Chi tiêu về năng lực hoạt động</i>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	24,64	26,21
Vòng quay tài sản	Vòng	1,93	2,49
<i>Chi tiêu về khả năng sinh lời</i>			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	13,53%	15,08%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	61,13%	75,04%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	25,71%	37,62%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	15,93%	17,93%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**Cổ phần**

Hiện nay, Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Đà Nẵng đã phát hành 4.267.683 cổ phiếu, trong đó:

- Số cổ phiếu phổ thông: 4.267.683 cổ phiếu
- Số cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số cổ phiếu đang lưu hành: 4.267.683 cổ phiếu
- Số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 4.267.683 cổ phiếu
- Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng.

Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông theo loại hình sở hữu

STT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Cổ phiếu sở hữu	Số tiền	Tỷ lệ trên vốn Điều lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	676	3.286.142	32.861.420.000	77,00
-	Cá nhân	658	1.143.112	11.431.120.000	26,78
-	Tổ chức	18	2.143030	21.430.300.000	50,22
2	Cổ đông ngoài nước	102	981.541	9.815.410.000	23,00
-	Cá nhân	78	232.217	2.322.170.000	5,44
-	Tổ chức	24	749.324	7.493.240.000	17,56
	Tổng cộng	391	4.267.683	42.676.830.000	100%

Danh sách cổ đông chốt ngày 05/09/2017

Danh sách cổ đông lớn

Tên tổ chức/ cá nhân	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
Tổng công ty Hàng không Việt Nam	200 Nguyễn Sơn, Quận Long Biên, Hà Nội	1.541.265	36,11 %

Danh sách cổ đông chốt ngày 05/09/2017

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Kể từ khi hoạt động dưới hình thức là CTCP đến nay, Công ty đã trải qua quá trình tăng vốn như sau:

Năm	2006	2008	2009	2010	2011	2012	2017
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	15	15,5	16,69	17,35	20,08	30,08	42,67
Mức tăng (tỷ đồng)	0	0,5	1,19	0,66	2,73	10	12,59

Trong năm 2017, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 30.088.160.000 đồng lên thành 42.676.830.000 đồng.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có.

Các chứng khoán khác

Không có.

6. Báo cáo liên quan đến cộng đồng và xã hội của Công ty

Với tầm nhìn dài hạn, MASCO xác định các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là lĩnh vực kinh doanh dịch vụ hàng không và phi hàng không. Phương châm của chúng tôi là sự phát triển bền vững của Công ty được xây dựng trên cơ sở tăng trưởng hiệu quả thông qua việc sử dụng nguồn lực một cách hợp lý kết hợp với việc giảm thiểu ô nhiễm và tác động môi trường, đem lại các lợi ích cho khách hàng, cổ đông và không ngừng nâng cao lợi ích của cán bộ công nhân viên và trách nhiệm doanh nghiệp đối với xã hội.

Quản lý nguồn nguyên liệu**a) Tổng lượng nguyên liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của công ty:**

Hiện nay, sản phẩm chính của công ty đó là suất ăn và chăn dạ cấp lên tàu bay, theo đó nguyên liệu được sử dụng để sản xuất sản phẩm suất ăn chính là thực phẩm tươi sống và rau củ quả, và với sản lượng gần 2 triệu suất ăn được sản xuất trong năm nên lượng nguyên liệu chế khoảng gần 500 tấn; và với sản lượng gần 100.000 sản phẩm chăn dạ nên lượng vải để sản xuất khoảng gần 50 tấn.

b) Tỷ lệ phần trăm nguyên liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Công ty không sử dụng nguyên liệu tái chế**Tiêu thụ năng lượng****a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp**

Mức điện tiêu thụ trực tiếp trong năm 2017 là gần 700.000 kwh, còn năng lượng gián tiếp công ty không tiêu thụ.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không có**c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: không có****Tiêu thụ nước:**

- a) **Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:** để đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, công ty sử dụng nguồn nước từ hệ thống nước thủy cục của thành phố với mức sử dụng hơn 15.000 m³ trong năm 2017
- b) **Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:** không có

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty đã tiến hành nhiều hoạt động cụ thể nhằm giáo dục, gắn kết sự tham gia trực tiếp của cán bộ đối với các hoạt động vì môi trường. Với khẩu hiệu “Hành động nhỏ cho thay đổi lớn”, Công ty đã phát động và triển khai hiệu quả các chương trình như hưởng ứng tham gia Giờ Trái đất; chương trình tiết kiệm điện và hạn chế sử dụng năng lượng; Ngày Chủ nhật Xanh, tham gia vệ sinh môi trường do Đoàn Thanh niên Thành phố Đà Nẵng tổ chức,...

* Triển khai chương trình 5S nhằm nâng cao năng suất lao động, giảm tác động tới môi trường:

Ý thức bảo vệ môi trường cần xuất phát từ việc xây dựng môi trường sạch sẽ, không gian thông thoáng tại nơi làm việc. Do đó, MASCO đã xây dựng hệ thống hồ sơ, tài liệu được “Sàng lọc - Sắp xếp - Sạch sẽ – Săn sóc – Sẵn sàng”, lưu trữ một cách khoa học giúp giảm thiểu tối đa thời gian tìm kiếm, góp phần nâng cao hiệu quả công việc đồng thời cũng tránh được những lãng phí không cần thiết về giấy tờ, vật phẩm văn phòng tiêu thụ, ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường.

* Tích cực tuyên truyền sử dụng năng lượng hiệu quả:

Nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên về việc sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, MASCO đã đẩy mạnh truyền thông trong toàn hệ thống thông qua các kênh thông tin: poster, bản tin điện tử, bản tin nội bộ.

* Hưởng ứng Chiến dịch Giờ trái đất 2017 tại Việt Nam với chủ đề “Tiết kiệm năng lượng - ứng phó biến đổi khí hậu”, Ban lãnh đạo Công ty và các tổ chức Công đoàn, đoàn thanh niên cơ sở đã tuyên truyền, phân tích ý nghĩa, hiệu quả của việc tiết kiệm năng lượng thông qua việc thay đổi nhận thức và thói quen nhỏ của người lao động trong việc sử dụng các nguồn năng lượng một cách hiệu quả và hợp lý.

Trên cơ sở đánh giá các tác động tới môi trường, MASCO đã xây dựng Đề án bảo vệ môi trường và đã được Sở Tài nguyên và môi trường phê duyệt. Đề án này bao gồm các nội dung liên quan đến giải pháp giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước thải thông qua việc ứng dụng công nghệ vi sinh trong xử lý nước thải, dọn dẹp hệ thống cống thoát nước để đảm bảo thông thoáng sạch sẽ; kiểm tra định kỳ hệ thống xử lý thu gom và thoát nước thải đảm bảo đáp ứng được tiêu chuẩn hiện hành. Ngoài ra, Công ty cũng đầu tư hơn 300 triệu đồng xây dựng và cải tạo lại hệ thống xử lý nước thải phù hợp với các điều kiện quy định về môi trường nhằm nâng cao công suất và xử lý hiệu quả hơn.

Chính sách liên quan đến người lao động

Là một doanh nghiệp hoạt động đa ngành, đa lĩnh vực: kinh doanh dịch vụ thương mại hàng không; cung ứng suất ăn trên tàu bay, dịch vụ taxi, dịch vụ quảng cáo tại sân bay và trên taxi, hoạt động đào tạo nghề lái xe ô tô, mô tô,... Trong quá trình thực hiện chiến lược phát triển Công ty giai đoạn từ 2015 - 2020, là đơn vị kinh doanh dịch vụ trong ngành hàng không, yếu tố con người quyết định hàng đầu, do vậy MASCO luôn ưu tiên thực hiện mục tiêu phát triển nguồn nhân lực - nhân tố quyết định sự thành công của doanh nghiệp.

Với đội ngũ cán bộ, nhân viên tính đến hết năm là 636 người, chính sách nhân sự của MASCO được xây dựng với mục đích đưa nguồn nhân lực trở thành một ưu thế cạnh tranh của Công ty, được thể hiện đồng bộ từ chính sách tuyển dụng, đào tạo - phát triển, lương - thưởng - phúc lợi, các chế độ đãi ngộ, môi trường làm việc và phát triển văn hóa doanh nghiệp để giữ người giỏi, thu hút nhân tài, tạo điều kiện cho tất cả cán bộ nhân viên được làm việc tốt nhất, được phát triển nghề nghiệp và gắn bó lâu dài với Công ty.

Chính sách tuyển dụng:

- Việc tuyển dụng phải thỏa mãn mục tiêu, yêu cầu chiến lược phát triển kinh doanh ngắn và dài hạn của công ty, được thực hiện theo từng thời điểm cụ thể và theo kế hoạch hàng năm.

- Nhân sự được tuyển dụng không chỉ nhằm đáp ứng được yêu cầu công việc hiện tại mà còn là nhân tố phát triển trong tương lai.

- Việc tuyển dụng được thông báo công khai trong toàn hệ thống, trên website của Công ty, từ các tổ chức dịch vụ cung ứng nhân lực tại địa phương và trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Mỗi vị trí, chức danh công việc thuộc các ngành nghề tuyển dụng phù hợp với lĩnh vực kinh doanh của công ty đều có tiêu chí, tiêu chuẩn tuyển dụng riêng và được thực hiện theo đúng Quy trình tuyển dụng của công ty.

Chính sách việc làm:

Công ty cam kết bố trí đầy đủ công việc phù hợp, đảm bảo thực hiện đúng chỉ tiêu “đúng người, đúng việc”, tạo cơ hội làm việc công bằng, khách quan, hợp lý cho tất cả CBNV tùy theo trình độ, năng lực thực tế của mỗi người trên mọi phương diện : tuyển dụng, đào tạo - phát triển, cơ hội thăng tiến, lương - thưởng - phúc lợi, thực hiện các chế độ đãi ngộ khác.

Chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực:

Được coi là một hình thức đầu tư chiến lược, nhằm nâng cao kiến thức quản lý, năng lực, trình độ nghiệp vụ chuyên môn, nghiệp vụ hỗ trợ cùng các kỹ năng khác cho cán bộ nhân viên để thực hiện mục tiêu chuyên nghiệp hóa đội ngũ, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty :

- Hoạt động đào tạo vừa giúp CBNV đã được đào tạo áp dụng hiệu quả vào công việc thực tế đang đảm nhiệm, vừa giúp CBNV có thể xác định được mục tiêu phát triển của bản thân phù hợp với mục tiêu phát triển của Công ty.

- Hàng năm, Công ty đều xây dựng kế hoạch đào tạo và dành đủ nguồn lực cho chính sách đào tạo và phát triển nhân viên, phát triển đội ngũ kế thừa (từ nhiều năm nay, Công ty đã lập Quỹ đào tạo và phát triển riêng, năm 2017, kinh phí dành cho việc đào tạo tại công ty là 170 triệu đồng, số lượng người được đào tạo gần 250 lượt):

+ Mỗi vị trí, chức danh công việc thuộc các ngành nghề có nhu cầu đào tạo phát triển đều có tiêu chuẩn đào tạo riêng và được thực hiện theo đúng Quy trình đào tạo của Công ty.

+ CBNV sau khi ký hợp đồng lao động có thời hạn với Công ty, được tham dự các lớp đào tạo nghiệp vụ ngắn hạn, trung hạn theo kế hoạch đào tạo hàng năm hoặc đào tạo đột xuất theo nhu cầu cấp thiết của đơn vị. Ngoài ra, Công ty còn xét hỗ trợ học phí đối với các CBNV có nỗ lực tự đào tạo phù hợp với chuyên môn.

- Hướng tới, Công ty thực hiện kết hợp với việc xây dựng một hệ thống đánh giá công việc công bằng, khách quan nhằm tạo điều kiện tối đa cho việc nâng cao hiệu quả công việc và phát triển cá nhân được xem xét công nhận, cũng là để tất cả CBNV Công ty đều có cơ hội thăng tiến bình đẳng tại Công ty.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Công ty chủ trương xây dựng một hệ thống tiền lương cạnh tranh, phù hợp với quan hệ tiền lương, tiền công trên thị trường, đảm bảo có động lực khuyến khích tăng năng suất lao động ngày một cao hơn; giữ được người giỏi và thu hút được nhân tài.

Tại Công ty, người lao động được hưởng các chế độ thu nhập, tiền thưởng theo quy chế rõ ràng. Năm 2017, thu nhập bình quân của người lao động tại công ty đạt 7,878 triệu đồng/người/tháng.

Thu nhập được trả căn cứ thị trường lao động, trình độ, năng lực, vai trò, trách nhiệm, khối lượng công việc thực tế tại đơn vị, kết quả công việc của người lao động.

Bên cạnh việc duy trì thường xuyên phong trào thi đua trong toàn đơn vị, Công ty còn xây dựng và tổ chức thực hiện quy định khen thưởng của Công ty luôn kịp thời, có hiệu

quả. Các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc định kỳ hoặc đột xuất đều được công nhận và khen thưởng xứng đáng, công bằng, công khai.

Công ty luôn thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật lao động về các chế độ bảo hiểm bắt buộc như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ. Đồng thời, thường xuyên nâng cao chính sách phúc lợi dành cho CBNV theo Thỏa ước lao động tập thể hàng năm với mức độ thực hiện từ bằng đến cao hơn Luật định. Đặc biệt trong đó, phần lớn các khoản phúc lợi, đãi ngộ như: khuyến khích người lao động luân phiên nghỉ hết phép được hưởng nguyên lương, số ngày nghỉ việc riêng mà vẫn hưởng nguyên lương, suất trợ cấp khó khăn đột xuất, suất chi thăm hỏi CBNV có việc cưới, việc tang, ốm đau, nằm viện, thai sản, tham quan nghỉ mát, khám sức khỏe định kỳ, ưu đãi CBNV nghỉ hưu... đều được thực hiện cao hơn Luật định.

Môi trường làm việc

Với quan niệm sự thành công của Công ty còn phụ thuộc vào tính sáng tạo và sự hài lòng, hứng thú với công việc của CBNV. Ban lãnh đạo Công ty đã thể hiện sự quan tâm đến điều kiện làm việc của CBNV: bố trí văn phòng làm việc tiện nghi, thoáng mát, sạch sẽ; cung cấp đầy đủ máy móc, thiết bị, phương tiện làm việc cần thiết; trang bị đồng phục cho CBNV...

Bên cạnh, Công ty luôn quan tâm xây dựng môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp và thân thiện, luôn tạo điều kiện để cho mỗi CBNV đều có cơ hội để tự khẳng định, phát huy hết khả năng chuyên môn của mình trong mỗi quan hệ làm việc thân thiện, luôn có sự hỗ trợ, phối hợp đồng bộ, với tinh thần thi đua hoàn thành nhiệm vụ vì sự phát triển của bản thân và cũng vì sự nghiệp phát triển bền vững của Công ty.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn tích cực tham gia những hoạt động thiết thực hướng đến mục tiêu trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Vẫn còn nhiều việc phải thực hiện nhưng chúng tôi quyết tâm tiến bước mạnh mẽ trên hành trình thực hiện những trách nhiệm của công ty đối với xã hội. Những hoạt động xã hội từ thiện luôn được Ban lãnh đạo và nhân viên MASCO thường xuyên tích cực hưởng ứng và có nhiều đóng góp cho cộng đồng. Công ty cũng thường xuyên tài trợ cho các hoạt động thể hiện trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương năm 2017 bao gồm các hoạt động sau:

Viếng thăm các trung tâm nuôi dưỡng người già, trẻ em mồ côi, tàn tật trong các ngày Lễ, Tết, Trung Thu, Quốc Tế Thiếu Nhi.

Quyên góp giúp đỡ đồng bào bị thiên tai.

III. Báo cáo Ban Tổng giám đốc

1. Đánh giá tình hình SXKD:

a/ Thuận lợi :

Lượng khách quốc tế đi đến quốc nội và quốc tế của các Hãng hàng không tại các sân bay Miền Trung trong năm 2017 vẫn giữ được ổn định và tăng trưởng 15% so với thực hiện năm 2016 tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị trong Công ty kinh doanh các dịch vụ trong dây chuyền hàng không.

Công tác an toàn, an ninh PCCN được tăng cường và đảm bảo tuyệt đối trong những ngày lễ và cao điểm.

b/ Khó khăn :

Tình hình thực hiện năm 2017 có nhiều diễn biến làm ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và làm giảm hiệu quả của Công ty, cụ thể :

- Giá cung ứng các sản phẩm vẫn không thay đổi trong khi giá nguyên nhiên vật liệu có chiều hướng tăng từ 3-5% đã ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của các đơn vị.

- Do cạnh tranh từ đối thủ, Công ty đã mất thị trường cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không trong và ngoài nước tại Cam Ranh từ tháng 9/2017 đã ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Kinh doanh taxi công nghệ đã đi vào hoạt động làm ảnh hưởng lớn đến hoạt động SXKD taxi của MASCO. Tác động từ việc ra đời taxi công nghệ là doanh thu sụt giảm, lao động lái xe nghỉ nhiều.

2. Một số kết quả đạt được trong hoạt động SXKD:

Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông năm 2017 của Công ty và thông qua một số nội dung chính như kế hoạch SXKD và kế hoạch đầu tư, báo cáo tài chính, báo cáo ban kiểm soát theo đúng các nội dung của Nghị quyết số 707/NQ-HĐQT-TCTHK ngày 20/7/2017 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty HKVN-CTCP.

Tiếp tục triển khai dự án mục tiêu xuyên suốt theo định hướng kế hoạch đó là thủ tục xin cấp đất để xây dựng nhà chế biến suất ăn Đà Nẵng. Hồ sơ xin thuê đất đã gửi Cục hàng không và Cảng vụ Hàng không Miền Trung xem xét phê duyệt.

Tổ chức đánh giá lại các quy trình hoạt động sản xuất, quản lý công việc, tình hình phân công, bố trí nhân sự tại Chi nhánh Nha Trang khi sản lượng suất ăn bị cắt giảm.

Tổ chức kiểm tra đánh giá cơ sở vật chất nhà máy chế biến suất ăn của các Hãng Hàng không tại Đà Nẵng, Cam Ranh và triển khai chào thực đơn suất ăn cho Hãng hàng không mới;

Triển khai làm các thủ tục mở kho miễn thuế VNA tại suất ăn Đà Nẵng.

Tham gia chào hàng cạnh tranh các gói thầu cung cấp chần hạng C do Tổng Công ty HKVN-CTCP tổ chức

Làm việc với Tổng công ty Cảng hàng không Đà Nẵng xin thuê thêm mặt bằng kinh doanh thương mại tại nhà ga quốc tế cũ và mới.

Triển khai thực hiện đầu tư theo kế hoạch năm 2017, như :

- + Tiếp tục triển khai xây dựng công trình mở rộng Khu chế biến suất ăn Cam Ranh;
- + Thực hiện đầu tư 01 xe bán tải và 2 xe 16 chỗ đưa vào hoạt động SXKD tại Chi nhánh Nha Trang;
- + Thực hiện đầu tư 2 xe 5 chỗ tự động cho 2 trung tâm đào tạo lái xe ô tô mô tô Thừa Thiên Huế và Đà Nẵng;
- + Thực hiện đầu tư 5 xe taxi Nissan và 10 xe Innova đưa vào hoạt động kinh doanh taxi;
- + Thiết bị bếp, hệ thống kho lạnh, hệ thống xử lý nước tại Cam Ranh
- + Triển khai thực hiện xây dựng mở rộng khu vực sản xuất bánh mì và bếp thương mại;
- + Thực hiện đầu tư các gói thầu thiết bị bếp, hệ thống kho lạnh, hệ thống xử lý nước tại Cam Ranh.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện, duy trì và không ngừng cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, tiến đến áp dụng hệ thống kiểm soát an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến thực phẩm ISO 22000-2005

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tiêu chuẩn chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm; Thực hiện nghiêm chỉnh sách tiết kiệm, chấp hành quy định và kỷ luật lao động trong toàn Công ty .

Tình hình thực hiện kế hoạch 2017 và Kết quả SXKD trong năm 2017

Tình hình thực hiện kế hoạch

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	Thực hiện/Kế hoạch
VCSH bình quân	Triệu đồng	43.528	36.383	83,59%
Doanh thu thuần		269.018	292.992	108,91%
Lợi nhuận trước thuế		42.887	49.466	115,34%
Tổng mức đầu tư		79.513	55.996	70,42%

• Về Cơ cấu doanh thu

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2016		2017	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu bán hàng	19.173	6,39%	17.962	6,04%
Doanh thu bán thành phẩm	7.042	2,35%	307	0,10%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	274.004	91,27%	279.121	93,86%
Tổng	300.220	100,00%	297.390	100,00%

Tổng doanh thu tính đến 31/12/2017 đạt 297 tỷ đồng, giảm nhẹ so với cùng kỳ. Sự tăng trưởng doanh thu nhờ sự đóng góp chủ yếu của lĩnh vực suất ăn quốc tế trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, tuy nhiên trong Quý IV năm 2017 đã xuất hiện đối thủ cạnh tranh trong lĩnh vực suất ăn nên thị trường bị chia sẻ nên Doanh thu có giảm nhẹ so với năm 2016.

• Về Cơ cấu chi phí hoạt động

Chỉ tiêu	2016		2017	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Giá vốn hàng bán	216.740	88,78%	216.727	87,60%
Chi phí tài chính	1.111	0,46%	2.151	0,87%
Chi phí bán hàng	7.915	3,24%	7.692	3,11%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	17.809	7,29%	20.338	8,22%
Chi phí khác	566	0,23%	490	0,20%
Tổng	244.141	100,00%	247.398	100,00%

Trong cơ cấu chi phí hoạt động của Công ty, Giá vốn hàng bán vẫn luôn là khoản mục chiếm tỷ trọng cao nhất với khoảng 87-88% qua các năm. Tương ứng với mức độ tăng trưởng doanh thu, Giá vốn hàng bán trong năm 2017 không thay đổi so với cùng kỳ năm trước với tổng giá trị đạt 216,72 tỷ đồng. Điểm sáng trong công tác quản lý chi phí của Công ty là nhờ công tác kiểm tra, rà soát và điều chỉnh một cách triệt để các định mức tiêu hao trong sản xuất cũng như việc thực hiện phong trào tiết kiệm toàn Công ty nên góp phần giảm thiểu các chi phí vật tư, giá vốn hàng bán.

• Các chỉ tiêu lợi nhuận:

Chi tiêu	2016	2017	Chênh lệch	
			Giá trị	Tỷ lệ
LN thuần từ hoạt động SXKD	53.086	46.461	-6.625	-14,26%
LN khác	2.538	3.005	467	15,54%
LN trước thuế	55.624	49.466	-6.158	-12,45%
LN sau thuế	44.664	39.650	-5.014	-12,65%

Sự xuất hiện của đối thủ cạnh tranh đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong kỳ, cụ thể LN thuần từ hoạt động SXKD giảm 14,26% , LNNTT giảm 12,45% và LNNT giảm 12,65%. Tuy nhiên KQKD của Công ty trong năm 2017 vẫn khả quan, đảm bảo lợi ích của các cổ đông.

Những tiến bộ công ty đạt được trong năm

- ✓ Ban điều hành Công ty đã đảm bảo đề ra được mục tiêu dài hạn và ngắn hạn cho MASCO, quá trình điều hành luôn bám sát mục tiêu, tập thể Ban điều hành có sự gắn bó và có trách nhiệm cao với mục tiêu chung.
- ✓ Có các quyết định nhanh và linh hoạt về công tác quản trị điều hành, đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh và phù hợp với tình hình phát triển của từng giai đoạn.
- ✓ Việc phân công và phát huy năng lực của từng thành viên trong Ban điều hành được quan tâm và bố trí hợp lý, dù luôn phải đối diện với nhiều cạnh tranh, thách thức mới nhưng vẫn vững vàng, là điểm tựa vững chắc cho cán bộ nhân viên trong môi trường kinh doanh luôn biến động hiện nay.
- ✓ Trong năm Công ty đã ban hành một số quy chế về quản lý theo dõi sửa chữa các phương tiện, định mức tiêu hao phù hợp với mô hình tổ chức và hình thức hạch toán tại Công ty và các đơn vị phụ thuộc có các thể nhân góp vốn. Từng bước quản lý chặt chẽ các chi phí phát sinh một cách kịp thời và hiệu quả.
- ✓ Toàn thể Công ty CP Dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng đã phát triển đúng hướng theo các mục tiêu đã đề ra; hoàn thành tốt các chỉ tiêu, đặc biệt là chỉ tiêu về chất lượng. Về tổng quan, MASCO đã hoàn thành các chỉ tiêu về doanh thu, sản lượng và lợi nhuận đã đề ra trong năm 2017.

1. *Tình hình tài chính*

- Tình hình tài sản

Tiêu chí	ĐVT	2016	2017	% Tăng/ Giảm	Tỷ trọng 2016	Tỷ trọng 2017
Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	53.893,74	45.058,00	-8.835,74	42,31%	29,21%
Tài sản dài hạn		73.492,82	109.182,00	35.689,18	57,69%	70,79%
Tổng tài sản		127.386,56	154.240,00	26.853,44	100,00%	100,00%

Tính đến 31/12/2017, giá trị tổng tài sản đạt 154,24 tỷ đồng, cao hơn 21% so với năm 2016. Tỷ trọng tài sản dài hạn/Tổng tài sản chiếm 70,79%.

Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, tiền và tương đương tiền chiếm tỷ trọng lớn nhất, chiếm 38,27%, tiếp đến là các khoản phải thu ngắn hạn, tồn kho và tài sản ngắn hạn khác, các khoản mục này lần lượt chiếm 34,62%, 19,52% và 7,58%.

Đối với tài sản dài hạn, tài sản cố định và TS dở dang dài hạn là khoản mục chiếm tỷ trọng cao nhất, chiếm 84,25% và 15,10%. Ngoài ra, các khoản mục tài sản dở dang và tài sản dài hạn khác chiếm tỷ trọng không đáng kể.

- Cơ cấu tài sản ngắn hạn

Tiêu chí	ĐVT	2016		2017	
		Giá trị	tỷ trọng	Giá trị	tỷ trọng
Tiền và khoản tương đương tiền	Triệu đồng	23.823	44,20	17.248	38,28
Phải thu ngắn hạn		18.629	34,57	15.599	34,62
Hàng tồn kho		9.620	17,85	8.796	19,52
Tài sản ngắn hạn khác		1.822	3,38	3.415	7,58
Tổng tài sản ngắn hạn		53.894	100,00	45.058	100,00

- Cơ cấu tài sản dài hạn

Tiêu chí	ĐVT	2016		2017	
		Giá trị	tỷ trọng	Giá trị	tỷ trọng
Tài sản cố định	Triệu đồng	72.633	98,83	91.987	84,25
Tài sản dở dang dài hạn		126	0,17	16.490	15,10
Tài sản ngắn hạn khác		734	1,00	705	0,65
Tổng tài sản dài hạn		73.493	100,00	109.182	100,00

- Tình hình nợ phải trả

Tiêu chí	ĐVT	2016	2017	% Tăng/ Giảm
Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	48.314	68.657	142,11%
Nợ dài hạn		16.298	20.724	127,16%
Tổng nợ		64.612	89.381	138,34%
Vốn chủ sở hữu		62.775	64.859	103,32%
Tổng nguồn vốn		127.387	154.240	121,08%

Tính đến 31/12/2017, giá trị nợ phải trả của Masco đạt 89,381 tỷ đồng, chiếm 57,95% cơ cấu nguồn vốn của Công ty. So với năm 2016, tổng giá trị nợ phải trả tăng 38,34%, trong đó, nợ ngắn hạn chiếm phần lớn tỷ trọng với 76,81%. Nợ dài hạn với giá trị đạt 20,724 tỷ đồng, chiếm 23,19%, tăng 4,43 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu nợ và vốn

Tiêu chí	ĐVT	2016	2017
Nợ ngắn hạn/tổng nợ	%	74,78	76,81
Tổng nợ/Tổng tài sản		50,72	57,95

Thuyết minh công cụ tài chính

Về ảnh hưởng của chênh lệch lãi vay

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2016	2017
Vay ngắn hạn	Triệu đồng	4.204,26	19.360,00
Vay dài hạn	Triệu đồng	12.658,05	17.084,00
Chi phí lãi vay	Triệu đồng	1.030,63	2.016,00
Chi phí lãi vay/ Doanh thu thuần	%	0,35%	0,69%

Năm 2017, lãi vay Công ty phải trả là 2,016 tỷ đồng, có phần tăng cao hơn mức lãi vay trong năm 2016. Tỷ lệ chi phí lãi vay trên doanh thu thuần đạt 0,69%. Đây là mức thấp, không đáng kể và thể hiện công ty không chịu nhiều rủi ro về biến động lãi suất.

2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- **Về công tác quản lý điều hành:** Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh (quản lý hoạt động cung ứng suất ăn trên tàu bay, hoạt động Ta-xi, quản lý công việc, hợp đồng...), đáp ứng kịp thời quy mô phát triển, nâng cao hiệu lực quản lý và hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- **Về công tác quản lý chất lượng :** Nâng cấp và mở rộng phạm vi áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001; Từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ sản phẩm đối với lĩnh vực chế biến và cung ứng suất ăn trên tàu bay bằng việc áp dụng hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn HACCP. Hiện tại Công ty đang triển khai xây dựng và phấn đấu áp dụng và đạt chứng nhận ISO 22000 – Hệ thống quản lý chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm – cho lĩnh vực cung ứng suất ăn trên tàu bay tại Xí nghiệp suất ăn Sân bay Đà Nẵng, Chi nhánh sân bay Cam Ranh và Chi nhánh Phú Bài trong năm 2018.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

❖ Mục tiêu – định hướng hoạt động SXKD của MASCO năm 2018

Giữ vững ổn định các loại hình kinh doanh đã xác định là chiến lược của Công ty, ưu tiên hàng đầu cho các lĩnh vực kinh doanh liên quan đến dây chuyền vận tải hàng không, kinh doanh xe taxi và kinh doanh thương mại tại các cảng hàng không Miền Trung.

Xây dựng và triển khai áp dụng chiến lược cạnh tranh về dịch vụ cung ứng suất ăn theo các tiêu chuẩn yêu cầu của các hãng hàng không. Tập trung xây dựng và áp dụng chiến lược chi phí thấp, đặc biệt quan tâm 3 yếu tố chính là giá cả, cơ cấu thực đơn và chất lượng sản phẩm.

Bảo đảm tình hình tài chính an toàn, lành mạnh, quản lý chặt chẽ công nợ. Tăng cường mối quan hệ hỗ trợ, hợp tác và cung ứng sản phẩm nội bộ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Ưu tiên nguồn vốn đầu tư máy móc thiết bị, xây dựng cơ sở hạ tầng của các dự án phục vụ các dịch vụ thuộc dây chuyền vận tải hàng không nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, đáp ứng nhu cầu sản xuất và đảm bảo phát triển bền vững của Công ty.

Chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực nhằm đảm bảo nguồn nhân lực để thực hiện tốt kế hoạch SXKD năm 2018.

❖ Chỉ tiêu kế hoạch trong năm 2018

STT	NỘI DUNG	ĐVT	TH 2017	KH 2018	% Tỷ lệ
1	TỔNG DOANH THU	trđồng	296.865	226.685	76,36%
2	TỔNG CHI PHÍ	trđồng	247.399	208.999	84,48%
3	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	trđồng	49.466	17.686	35,75%
4	LỢI NHUẬN RÒNG	trđồng	39.650	14.415	36,36%
a	LN Công ty (cổ đông)	trđồng	38.492	13.240	34,40%
b	Chi cho HĐ Hợp tác KD	trđồng	1.158	1.174	101,38%
5	LAO ĐỘNG BQ	Người	697	626	89,81%
6	THU NHẬP BÌNH QUÂN	đ/tháng	7.878.774	7.296.192	92,61%
7	VỐN CHỦ SỞ HỮU BQ	trđồng	36.382	43.479	119,51%
8	Tỷ lệ LN sau thuế/ Vốn CSH (ROE)	%	108,98	33,15	30,42%

4. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có.

10/10/2017

IV. Báo cáo Hội đồng quản trị

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Tình hình trong nước

Hoạt động kinh doanh của ngành hàng không nói chung và của Công ty nói riêng diễn ra trong bối cảnh Hội nhập kinh tế quốc tế, phát triển khoa học công nghệ thông tin và hệ thống pháp lý hoàn thiện mở ra nhiều cơ hội kinh doanh cho các doanh nghiệp, đồng thời cũng nảy sinh những sức ép cạnh tranh mới. Trong đó, lĩnh vực vận chuyển hàng không chịu ảnh hưởng nhanh nhất và trực tiếp.

Lượng khách quốc tế đi đến quốc nội và quốc tế của các Hãng hàng không tại các sân bay Miền Trung trong năm 2017 vẫn giữ được ổn định và tăng trưởng 15% so với thực hiện năm 2016 tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị trong Công ty kinh doanh các dịch vụ trong dây chuyền hàng không.

Trong thời gian qua, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam (ACV) cũng đã đưa nhiều công trình hạ tầng cảng hàng không vào khai thác, sử dụng, góp phần nâng cao năng lực thông qua của hệ thống cảng hàng không, sân bay, nâng cao chất lượng dịch vụ như tại sân bay Tân Sơn Nhất đưa thêm 4 vị trí sân đậu cho tàu bay, mở rộng cải tạo sân đỗ đường lăn; sân bay Nội Bài tiếp tục triển khai thực hiện dự án cải tạo nhà ga hành khách T1, bổ sung thêm 11 vị trí đỗ, nâng tổng số vị trí đỗ lên 70 vị trí được cấp phép, có thể khai thác đồng thời được 50 vị trí; khai thác/đỗ qua đêm 56 vị trí...

Qua 1 năm thực hiện nhiệm vụ, hoạt động công ty có những điểm nổi bật như sau:

Về kết quả hoạt động SXKD Hợp nhất năm 2017:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	Thực hiện/Kế hoạch
VCSH bình quân	Triệu đồng	43.528	36.383	83,59%
Doanh thu thuần		269.018	292.992	108,91%
Lợi nhuận trước thuế		42.887	49.466	115,34%

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2017
1	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	29,21%
2	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	70,79%
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	57,95%
4	Nguồn vốn Chủ sở hữu trong Tổng nguồn vốn	42,05%
5	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	0,656 lần
6	Khả năng thanh toán nhanh	0,251 lần
7	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên Doanh thu thuần	16,88%
8	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên Doanh thu thuần	13,53%
9	Tỷ suất Lợi nhuận trước thuế trên Tổng tài sản	32,07%
10	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên Tổng tài sản	25,71%
11	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu	61,13%

- Về Khả năng thanh toán: 0,656 lần và 0,251 lần là hệ số phản ánh khả năng thanh

toán ngắn hạn ở mức trung bình và có xu hướng giảm so với kết quả đạt được năm 2016.

- **Về cơ cấu vốn:** Trong năm, do thực hiện đầu tư xây dựng Khu chế biến suất ăn Cam Ranh giai đoạn II tại cảng hàng không quốc tế Cam Ranh nên MASCO chủ động vay thêm nợ dài hạn, làm cho hệ số nợ/ tổng nguồn vốn tăng so với năm 2016.
- **Về Khả năng sinh lời:** Chỉ số Tỷ suất sinh lợi trên VCSH (ROE) và Tỷ suất sinh lợi trên tài sản (ROA) của MASCO trong năm 2017 có giảm so với năm 2016 do trong năm 2017 đầu tư cho tài sản cố định nhiều và thực hiện tăng vốn điều lệ từ 30,08 tỷ lên 42,67 tỷ đồng, tuy nhiên các chỉ số về khả năng sinh lời vẫn đạt mức tốt, Công ty hoạt động có hiệu quả và sinh lợi tốt.

2. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty**

Căn cứ Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị Công ty, Hội đồng Quản trị đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT trong năm, cụ thể:

- Thông qua các cuộc họp HĐQT định kỳ hàng quý và theo yêu cầu đột xuất, HĐQT đã trao đổi ý kiến và chất vấn các hoạt động của Tổng Giám đốc trong việc thực hiện chiến lược, kế hoạch và các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt, các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT đã thông qua;
- HĐQT cùng với Ban điều hành đã thảo luận, trao đổi các nội dung công việc trên tinh thần thẳng thắn, xây dựng vì lợi ích chung của Công ty và các cổ đông, cùng bàn bạc và được những giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn nhằm hoàn thành các mục tiêu mà ĐHĐCĐ đã giao phó;
- Trên cơ sở các nội dung được thông qua tại các Nghị quyết, quyết định của HĐQT, Chủ tịch HĐQT chủ trì các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng, họp đột xuất để triển khai nhanh chóng, kịp thời các nhiệm vụ đến Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban chức năng của đơn vị.
- HĐQT đã nắm bắt sâu sát hoạt động điều hành của Công ty. Định hướng cho hoạt động của Công ty đi đúng mục tiêu chiến lược và nhiệm vụ được Đại hội cổ đông thông qua.
- Chủ tịch HĐQT đã chủ động có các buổi tiếp xúc, làm việc với các cổ đông có vốn lớn tại Công ty nhằm tranh thủ sự ủng hộ giúp đỡ Công ty trong quá trình SXKD và quản trị doanh nghiệp.
- Năm 2016 HĐQT đã ban hành nhiều nghị quyết trong chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ SXKD đúng theo qui định của điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty và đã thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết đó. Đặc biệt là tổ chức Đại hội cổ đông bất thường năm 2016 đã kịp thời bổ sung nhiệm vụ và điều chỉnh một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2016.

3. **Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Năm 2018, tình hình hoạt động SX-KD của Công ty sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn do tồn tại và tiềm ẩn những yếu tố không thuận lợi sẽ ảnh hưởng đến kết quả chung của đơn vị; Tình hình chung về kinh tế xã hội của Đất nước vẫn còn nhiều khó khăn, sức hồi phục chậm; Tổng Công ty HKVN tiếp tục thực hiện chính sách tiết kiệm nội bộ và việc cạnh tranh quyết liệt trong kinh doanh tại Cảng hàng không sẽ gây nhiều khó khăn cho Công ty trong phát triển SX-KD của các ngành dịch vụ & thương mại, taxi, quảng cáo, v.v...; đặc biệt là kinh doanh suất ăn hàng không đã xuất hiện thêm nhiều đối thủ cạnh tranh mới tại

l số cảng hàng không ; Các đối thủ hiện hữu nay đã lớn mạnh và sẽ ảnh hưởng rất lớn đến việc chia sẻ thị phần kinh doanh của Công ty và dự báo mức độ cạnh tranh của cả Công ty sẽ diễn ra rất gay gắt và quyết liệt.

Để hạn chế những khó khăn bất lợi và đáp ứng được những yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới, năm 2018 HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty tập trung thực hiện tốt những nhiệm vụ chính trị trọng tâm sau đây :

Về kế hoạch sản xuất kinh doanh :

HĐQT Chi đạo Ban Tổng giám đốc điều hành có các biện pháp tích cực, hiệu quả. Bám sát yêu cầu của thị trường, chuẩn bị tốt các nguồn lực và các điều kiện sản xuất kinh doanh đảm bảo hoàn thành kế hoạch đã xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua.

Duy trì và nâng cao chất lượng các loại hình kinh doanh dịch vụ hiện có, đồng thời phát triển và mở rộng các loại hình dịch vụ mới khi có điều kiện khả thi, trong đó chú trọng các dịch vụ liên quan trong dây chuyền vận tải Hàng không mà Công ty có nhiều lợi thế.

Tập trung chỉ đạo thực hiện đúng tiến độ và đúng pháp luật đối với việc thực hiện các dự án đầu tư.

Trong điều kiện thị trường phát triển và sức cạnh tranh cao, cần không ngừng hoàn thiện, nâng cao hiệu quả của hệ thống quản lý, chất lượng dịch vụ ; Thường xuyên kiểm tra quản lý và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 : 2008 tại các đơn vị trong toàn Công ty. Tuyệt đối giữ vững an ninh, an toàn trong toàn Công ty. Bảo đảm đời sống và việc làm cho CBCNV, duy trì thực hiện tốt các chính sách liên quan đến quyền lợi của người lao động, nhất là thu nhập cho người lao động, khuyến khích và thu hút nhân tài.

Trước tình hình đó, định hướng chiến lược của Công ty là :

- *Giữ vững tăng trưởng ổn định, không ngừng đa dạng hóa các loại hình kinh doanh đã xác định là chiến lược của Công ty, đó là các lĩnh vực kinh doanh liên quan đến dây chuyền vận tải hàng không, kinh doanh xe taxi, đào tạo dạy nghề và kinh doanh thương mại tại các Cảng hàng không Miền Trung.*
- *Phấn đấu tất cả các đơn vị kinh doanh thuộc công ty đều có mức tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận tối thiểu 5% so với thực hiện năm 2017.*
- *Bảo đảm tình hình tài chính an toàn , lạnh mạnh, quản lý chặt chẽ công nợ.*
- *Tăng cường mối quan hệ hỗ trợ, hợp tác và cung ứng sản phẩm nội bộ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Phát triển dịch vụ liên kết với các đơn vị cùng ngành nghề hoặc trong khối dịch vụ nằm trong dây chuyền vận tải hàng không của VNA.*
- *Ưu tiên nguồn vốn đầu tư máy móc thiết bị, xây dựng cơ sở hạ tầng của các dự án phục vụ các dịch vụ thuộc dây chuyền vận tải hàng không nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, đáp ứng nhu cầu sản xuất và đảm bảo phát triển bền vững của Công ty.*

V. Quản trị công ty**1. Hội đồng quản trị*****Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị***

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP năm giữ	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Hồ Quang Tuấn	Chủ tịch HĐQT	0	0,00%
2	Nguyễn Thanh Đông	Thành viên HĐQT	187.046	4,38%
3	Trần Thanh Hải	Thành viên HĐQT	16.329	0,38%
4	Vũ Thị Thu Bồn	Thành viên HĐQT	2.211	0,05%
5	Lê Thị Thùy Linh	Thành viên HĐQT	50.000	1,17%

Danh sách cổ đông chốt ngày 05/09/2017

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

HĐQT không thành lập các tiểu ban trực thuộc.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Định kỳ, Tổng Giám đốc thực hiện báo cáo tình hình hoạt động của Công ty và kế hoạch sắp tới để HĐQT theo dõi và giám sát kết quả quản lý điều hành Công ty. Công tác giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc trong việc tuân thủ các nghị quyết, quyết định của ĐHCĐ và HĐQT được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật liên quan. Trong năm 2017, HĐQT đã họp trực tiếp và ban hành 7 Nghị quyết/Quyết Định.

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã tổ chức 4 cuộc họp. Cụ thể:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
01	Ông Hồ Quang Tuấn	Chủ tịch HĐQT		4/4	100%	
02	Ông Nguyễn Thanh Đông	Ủy viên HĐQT		4/4	100%	
03	Ông Trần Thanh Hải	Ủy viên HĐQT		3/4	75%	
04	Bà Vũ Thị Thu Bồn	Ủy viên HĐQT		4/4	100%	
05	Bà Lê Thị Thùy Linh	Ủy viên HĐQT		4/4	100%	

Và ban hành 6 Nghị Quyết/Quyết Định như sau:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN MASCO 2017

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	Số : 03/NQ-HĐQT-DVĐN	14/03/2017	V/v Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.
02	Số : 04/NQ-HĐQT-DVĐN	14/03/2017	V/v : Thông qua báo cáo tình hình SXKD, báo cáo tài chính năm 2016 và Kế hoạch-đầu tư năm 2017.
03	Số : 05/NQ-HĐQT-DVĐN	14/03/2017	V/v : Bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.
04	Số : 07/NQ-ĐHĐCĐ-DVĐN	21/04/2017	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.
05	Số : 10/NQ-ĐHĐCĐ-DVĐN	08/5/2017	V/v : Phê duyệt nguồn vốn đầu tư dự án “ đầu tư mở rộng Nhà chế biến suất an Cam Ranh giai đoạn II”
06	Số : 08/NQ-ĐHĐCĐ-DVĐN	15/8/2017	V/v : Thông qua báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính 6 tháng năm 2017 và lãnh đạo SXKD quý 3 năm 2017
07	Số : 12/NQ-ĐHĐCĐ-DVĐN	28/11/2017	V/v : Thông qua báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính 9 tháng năm 2017 và lãnh đạo SXKD cuối năm 2017

2. Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP năm giữ	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Nguyễn Dũng	Trưởng BKS	-	-
2	Phạm Ngọc Tuấn	Thành viên BKS	-	-
3	Dương Thùy Vân	Thành viên BKS	-	-

Danh sách cổ đông chốt ngày 05/09/2017

Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm

Trong năm các thành viên Ban kiểm soát đã tổ chức 03 cuộc họp, cụ thể:

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
01	Ông Nguyễn Dũng	Trưởng BKS		3/3	100%	
02	Ông Ngọc Tuấn	Ủy viên BKS		3/3	100%	
03	Bà Dương Thùy Vân	Ủy viên BKS		3/3	100%	

Ban kiểm soát công ty trong năm đã thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm soát của mình, cụ thể:

- ✓ Tham dự đầy đủ tất cả các phiên họp của Hội đồng quản trị để theo dõi và giám sát hoạt động của HĐQT công ty. Theo đó, nhìn chung, trong năm 2017, Ban kiểm soát đánh giá HĐQT đã triển khai thực hiện đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2017 đã đề ra từ đầu năm.
- ✓ Trưởng Ban kiểm soát đã chỉ đạo các kiểm soát viên bám sát tình hình hoạt động của đơn vị, hàng quý thực hiện kiểm tra các đơn vị để hỗ trợ các đơn vị thực hiện công tác hạch toán kế toán đúng quy định đồng thời thực hiện đúng chính sách với người lao động.
- ✓ Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng quý, năm của Phòng Tài chính Kế toán Công ty lập trước khi trình hội đồng quản trị đồng thời phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Năm 2016 (đồng/năm)
I	Hội Đồng Quản trị	138.000.000
1	Hồ Quang Tuấn	42.000.000
2	Nguyễn Thanh Đông	24.000.000
3	Trần Thanh Hải	24.000.000
4	Vũ Thị Thu Bồn	24.000.000
5	Lê Thị Thùy Linh	24.000.000
II	Ban kiểm soát	55.200.000
1	Nguyễn Dũng	21.600.000
2	Phạm Ngọc Tuấn	16.800.000
3	Dương Thùy Vân	16.800.000
	Tổng cộng	193.200.000

Stt.	Họ và tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú Note
01	Hồ Quang Tuấn	Chủ tịch HĐQT	Hải Châu, Đà Nẵng			
02	Nguyễn Thanh Đông	Tổng Giám đốc Công ty	Hải Châu, Đà Nẵng	10.000	0.23%	
03	Vũ Thị Thu Bồn	UV-HĐQT	Hải Châu, Đà Nẵng			
04	Lê Thị Thùy Linh	UV-HĐQT	Hải Châu, Đà Nẵng	10.000	0.23%	
05	Nguyễn Dũng	Trưởng BKS	Sơn Trà, Đà Nẵng			

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN MASCO 2017

06	Dương Thùy Vân	UV BKS	Hải Châu, Đà Nẵng			
07	Trần Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	Ngũ hành sơn, ĐN	16,329	0.38%	
08	Phạm Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	Hải Châu, Đà Nẵng	200	0.005%	
9	Phan Hữu Tâm	Kế toán trưởng	Hải Châu, Đà Nẵng			
10	Tổng cty Hàng không VN – CTCP		Hà Nội	1,541,265	36.11%	

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cao dịch của người nội bộ và

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
01	Nguyễn Thanh Đông	Tổng GD	187,046	4.38%	10,000	0.23%	Bán
02	Lê Thị Thùy Linh	UV-HĐQT	216,318	5.07%	10,000	0.23%	Bán
03	Trần Thanh Hải	Phó TGD	11,500	0,38%	16,329	0,38%	Mua
04	Phạm Văn Hà	Phó TGD	5,395	0.13%	200	0.005%	Bán

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Không có.

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Tham gia thị trường chứng khoán từ năm 2009, Công ty luôn duy trì công tác cập nhật các quy định do Ủy ban chứng khoán Nhà nước ban hành và nghiêm túc triển khai áp dụng vào công tác quản trị nội bộ công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,

Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 41

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Hồ Quang Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Đông	Thành viên
Ông Trần Thanh Hải	Thành viên
Bà Vũ Thị Thu Bồn	Thành viên
Bà Lê Thị Thùy Linh	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Dũng	Trưởng ban
Ông Phạm Ngọc Tuấn	Thành viên
Bà Dương Thùy Vân	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Thanh Đông	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh Miền Trung, thành viên RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Đông
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 02 năm 2018

Số: 11/BCKT/2018-RSMMT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25/01/2018 từ trang 5 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Dương Nghĩa
Giám đốc

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
1309-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Chi nhánh Miền Trung
Đà Nẵng, ngày 12 tháng 02 năm 2018

Nguyễn Hà Trung
Kiểm toán viên

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
2444-2018-026-1

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2017

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		45.057.859.518	53.893.736.788
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	17.247.807.536	23.823.012.137
1. Tiền	111		16.247.807.536	22.423.012.137
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	1.400.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.599.284.010	18.628.561.718
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	15.366.834.815	17.883.833.411
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		849.264.481	1.322.074.082
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.3	864.309.713	903.779.224
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.4	(1.481.124.999)	(1.481.124.999)
IV. Hàng tồn kho	140		8.795.767.006	9.619.966.029
1. Hàng tồn kho	141	4.5	8.795.767.006	9.619.966.029
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.415.000.966	1.822.196.904
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.9	2.604.505.371	1.402.247.474
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		602.530.232	419.949.430
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.12	207.965.363	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		109.182.034.003	73.492.821.013
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
ii. Tài sản cố định	220		91.967.215.265	72.633.002.255
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	91.424.988.165	72.126.320.032
Nguyên giá	222		186.530.034.130	155.405.773.708
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(95.105.045.965)	(83.279.453.676)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	562.227.100	506.682.223
Nguyên giá	228		825.433.100	736.433.100
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(263.206.000)	(229.750.877)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		16.489.767.328	125.915.418
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.6	16.489.767.328	125.915.418
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		705.051.410	733.903.340
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.9	705.051.410	733.903.340
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		154.239.893.521	127.386.557.801

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNGSân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu. Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2017

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		89.380.552.983	64.611.805.800
I. Nợ ngắn hạn	310		68.656.642.577	48.313.760.440
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	19.062.249.299	15.060.563.680
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.219.283.620	2.442.466.549
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	333.378.806	2.469.669.514
4. Phải trả người lao động	314		8.020.082.728	7.918.882.345
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.13	174.925.294	435.639.726
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.14	1.855.793.292	2.801.811.969
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	11.121.071.771	11.661.230.029
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.10	19.360.406.004	4.204.260.800
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.509.451.763	1.319.235.828
II. Nợ dài hạn	330		20.723.910.406	16.298.045.360
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.15	3.640.000.000	3.640.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.10	17.083.910.406	12.658.045.360
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		64.859.340.538	62.774.752.001
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.16	64.859.340.538	62.774.752.001
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.676.830.000	30.088.160.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.676.830.000	30.088.160.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		803.208.113	803.208.113
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.379.302.425	31.883.383.888
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		91.261.088	464.468.618
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		21.288.041.337	31.418.915.270
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		154.239.893.521	127.386.557.801



Nguyễn Thành Đông
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 01 năm 2018

Phan Hữu Tâm
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Huyền
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNGSân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu B 02a - DN**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	297.390.468.169	300.220.050.402
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	4.398.019.758	4.108.032.435
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		292.992.448.411	296.112.017.967
4.	Giá vốn hàng bán	11	5.3	216.727.397.913	216.740.344.096
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		76.265.050.498	79.371.673.871
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	377.851.632	549.733.321
7.	Chi phí tài chính	22	5.5	2.151.263.286	1.110.975.919
	<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.015.675.851</i>	<i>1.030.634.458</i>
8.	Chi phí bán hàng	25	5.6	7.692.720.661	7.915.148.655
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	20.337.855.451	17.809.241.788
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		46.461.062.732	53.086.040.830
11.	Thu nhập khác	31	5.8	3.495.145.793	3.103.718.701
12.	Chi phí khác	32	5.9	489.972.584	565.975.492
13.	Lợi nhuận khác	40		3.005.173.209	2.537.743.209
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		49.466.235.941	55.623.784.039
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	9.815.950.594	10.959.573.950
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		39.650.285.347	44.664.210.089
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.16.6	10.116	13.046
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.16.7	10.116	9.193



Nguyễn Thanh Đông
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 01 năm 2018

Phan Hữu Tâm
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Huyền
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		49.466.235.941	55.623.784.039
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		17.176.671.384	18.227.643.285
Các khoản dự phòng	03			-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		104.819.148	(53.378.912)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.600.519.133)	(2.857.818.606)
Chi phí lãi vay	06		2.015.675.851	1.030.634.458
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		66.162.883.191	71.970.864.264
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.538.048.911	(601.763.583)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		824.199.023	(2.701.764.145)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay)	11		(8.483.092.477)	8.569.619.982
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.173.405.967)	(276.217.775)
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.908.910.283)	(962.474.732)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(12.097.075.579)	(11.479.884.780)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2.420.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.496.916.075)	(794.796.801)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		43.368.150.744	63.723.582.730
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(46.513.876.472)	(24.114.000.764)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.470.000.000	2.555.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		127.312.466	146.256.147
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(43.916.564.006)	(21.412.744.617)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		12.588.670.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	51.498.109.293	20.100.595.191
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(31.933.339.308)	(17.336.039.577)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(38.197.691.740)	(35.561.118.075)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.044.251.755)	(32.796.562.461)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM				
Tiền và tương đương tiền đầu năm	50		(6.592.665.017)	9.514.275.652
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	60		23.823.012.137	14.181.285.143
	61		17.460.416	127.451.342
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		17.247.807.536	23.823.012.137



Nguyễn Thanh Đông
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 25 tháng 01 năm 2018

Phan Hữu Tâm
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Huyền
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng – Masco (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng) theo Quyết định số 3547/QĐ-BGTVT ngày 23/09/2005 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000950 ngày 05/04/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ ngày thành lập cho đến nay, Công ty đã 14 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 20/04/2017 với mã số doanh nghiệp là 0400102045.

Ngày 30 tháng 06 năm 2014, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 350/QĐ-SGDHN ngày 30 tháng 06 năm 2014 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày 15 tháng 07 năm 2014, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 42.676.830.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	15.412.650.000	36,11	10.854.050.000	36,07
Vốn góp của các đối tượng khác	27.264.180.000	63,89	19.234.110.000	63,93
Cộng	42.676.830.000	100	30.088.160.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 636 người (31 tháng 12 năm 2016 là 740 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực như: sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ...

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không. Chi tiết: Khai thác kỹ thuật thương mại hàng không;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn. Chi tiết: Chế biến và cung ứng suất ăn trên máy bay, suất ăn công nghiệp, thực phẩm đóng gói và ăn liền, bánh kẹo các loại, nước tinh khiết đóng chai;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đào tạo nghề lái xe ô tô, mô tô;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô, taxi nội tỉnh và liên tỉnh;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng ăn uống giải khát; Kinh doanh rượu, bia, thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay; Đại lý vận tải hàng hóa bằng đường hàng không, đường thủy, đường sắt;
- Quảng cáo. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ hàng miễn thuế, hàng mỹ nghệ, bách hóa tổng hợp, văn phòng phẩm;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn hàng trang trí nội ngoại thất, vật liệu xây dựng (trừ gạch, cát, sạn, ciment);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn thiết bị điện, thiết bị viễn thông, thiết bị hàng hải, thiết bị chuyên dụng phục vụ giao thông vận tải và môi trường đô thị;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Bán buôn hàng thủy, hải sản;
- Nuôi trồng thủy sản biển. Chi tiết: Nuôi trồng thủy hải sản;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép. Chi tiết: Bán buôn hàng may mặc;
- Sản xuất hàng may mặc (trừ trang phục). Chi tiết: Gia công hàng may mặc;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty các đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Tên	Địa chỉ	Mã số thuế
1.	Chi nhánh Phú Bài	Tổ 18, Phường Phú Bài, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế	0400102045 - 004
2.	Chi nhánh Nha Trang	Sân bay Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa	0400102045 - 005
3.	Trung tâm dạy nghề lái xe ô tô, mô tô Masco Đà Nẵng	21 Núi Thành, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	0400102045 - 010
4.	Trung tâm dạy nghề lái xe ô tô, mô tô Masco	34-36 Nguyễn Lương Bằng, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	0400102045 - 006

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Thừa Thiên Huế		
5.	Xí nghiệp Vận chuyển hành khách	Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	0400102045
6.	Xí nghiệp Sản xuất và Cung ứng suất ăn máy bay	Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	0400102045
7.	Xí nghiệp Dịch vụ Hàng không	Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	0400102045
8.	Xí nghiệp Thương mại và Dịch vụ	Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	0400102045
9.	Trung tâm Dịch vụ bảo dưỡng ô tô	Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	0400102045

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**3.1. Ngoại tệ**

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.4. Các khoản phải thu***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi cân trừ với các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2017</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	5 - 10 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	3 - 10 năm
▪ Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 10 năm

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình******Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá là giá trị quyền sử dụng đất tại Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Thành phố Đà Nẵng, được sử dụng để xây dựng văn phòng Công ty. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

3.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ; các khoản bảo hiểm; chi phí sửa chữa, đào tạo... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 36 tháng;
- Chi phí bảo hiểm, chi phí thuê đất, thuê mặt bằng được phân bổ theo thời gian ghi trên hợp đồng.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.11. Chi phí đi vay*****Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay***

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.12. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Chi phí phải trả của Công ty là chi phí lãi vay: được xác định theo số nợ gốc còn lại cho số ngày chưa tính lãi và lãi suất qui định.

3.13. Vốn chủ sở hữu***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.14. Doanh thu, thu nhập khác***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Thu nhập khác***

Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

3.15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn.

3.18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.19. Thuế***Thuế thu nhập doanh nghiệp******Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Đối với thu nhập tại Trung tâm Dạy nghề lái xe ô tô, mô tô Masco – Đà Nẵng và Trung tâm Dạy nghề lái xe ô tô, mô tô Masco – Huế, Công ty áp dụng thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động. Ưu đãi này được quy định tại điểm 3 mục II phần H và điểm 2 mục III phần H tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Thuế giá trị gia tăng***

Áp dụng thuế suất 10% đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ vận chuyển suất ăn, tiếp viên, tổ lái taxi, cung ứng suất ăn, nước uống, phí phục vụ, cung cấp các sản phẩm khác phục vụ các chuyến bay. Các hoạt động khác áp dụng theo mức thuế suất quy định hiện hành.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.22. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.23. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

3.24. Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu******Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc và các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc và các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Ngoại tệ	VND	Ngoại tệ	VND
Tiền mặt		1.233.820.965		1.848.003.610
VND		1.012.570.630		1.644.367.170
USD	9.774,70 #	221.250.335	8.976,70 #	203.636.440
Tiền gửi ngân hàng		15.013.986.571		20.575.008.527
VND		14.574.675.626		12.682.933.549
USD	19.408,48 #	439.310.945	347.898,39 #	7.892.074.978
Các khoản tương đương tiền		1.000.000.000		1.400.000.000
Cộng		17.247.807.536		23.823.012.137

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
	VND	VND
Phải thu từ khách hàng	14.061.868.516	14.513.221.152
Công ty CP Hàng không Đông Dương	1.481.124.999	1.481.124.999
Hãng hàng không NordWild	288.143.550	811.260.970
Hãng hàng không Ikar	-	791.683.815
Công ty CP Hàng không VietJet	8.634.143.694	2.304.035.273
Công ty CP Thương mại DHT	45.270.000	6.114.265.365
Các khách hàng khác	3.613.186.273	3.010.850.730
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan - xem thêm mục 8	1.304.966.299	3.370.612.259
Cộng	15.366.834.815	17.883.833.411

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	125.682.010	-	109.867.306	-
Lãi dư thu	3.206.667	-	-	-
Tạm ứng	735.421.036	-	793.484.115	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-	427.803	-
Cộng	864.309.713	-	903.779.224	-

4.4. Nợ xấu

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì Công ty Cổ phần Hàng không Đông Dương đã ngừng bay một thời gian dài và đã chính thức bị Cục hàng không Việt Nam rút giấy phép bay.

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	1.481.124.999	-	1.481.124.999	-
Cộng	1.481.124.999	-	1.481.124.999	-

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2017 VND			Tại ngày 01/01/2017 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Phải thu khách hàng Công ty Hàng không Đông Dương	1.481.124.999	-	Trên 3 năm	1.481.124.999	-	Trên 3 năm
Cộng	1.481.124.999	-		1.481.124.999	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.5. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.940.151.962	-	4.590.701.476	-
Công cụ, dụng cụ	4.287.223	-	6.058.708	-
Thành phẩm	1.609.113.426	-	462.019.105	-
Hàng hóa	4.242.214.395	-	4.561.186.740	-
Cộng	8.795.767.006	-	9.619.966.029	-

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm.

4.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Mua sắm tài sản cố định	-	68.000.000
Chi phí xây dựng nhà chế biến suất ăn Cam Ranh	16.489.767.328	57.915.418
Cộng	16.489.767.328	125.915.418

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiền vận tài truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2017	30.659.709.042	19.003.312.359	104.687.216.426	1.055.535.881	155.405.773.708
Mua trong năm	-	9.205.853.962	27.071.075.887	-	36.276.929.849
Đ/tư XD/CB h/thành	164.954.545	-	-	-	164.954.545
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(5.317.623.972)	-	(5.317.623.972)
Tại ngày 31/12/2017	30.824.663.587	28.209.166.321	126.440.668.341	1.055.535.881	186.530.034.130
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2016	11.533.577.958	4.222.423.362	66.589.944.212	933.508.144	83.279.453.676
Khấu hao trong năm	3.672.194.891	2.803.607.253	10.575.568.124	91.845.993	17.143.216.261
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(5.317.623.972)	-	(5.317.623.972)
Tại ngày 31/12/2017	15.205.772.849	7.026.030.615	71.847.888.364	1.025.354.137	95.105.045.965
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2017	19.126.131.084	14.780.888.997	38.097.272.214	122.027.737	72.126.320.032
Tại ngày 31/12/2017	15.618.890.738	21.183.135.706	54.592.779.977	30.181.744	91.424.988.165

Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2017 của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 48.202.472.513 đồng;

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 41.607.802.268 đồng;

Không có TSCĐ hữu hình cuối kỳ chờ thanh lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2017	473.227.100	263.206.000	736.433.100
Mua trong năm	-	89.000.000	89.000.000
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	473.227.100	352.206.000	825.433.100
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2017	-	229.750.877	229.750.877
Khấu hao trong năm	-	33.455.123	33.455.123
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	-	263.206.000	263.206.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2017	473.227.100	33.455.123	506.682.223
Tại ngày 31/12/2017	473.227.100	89.000.000	562.227.100

(*) Là quyền sử dụng đất lâu dài tại Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Thành phố Đà Nẵng, được sử dụng để xây dựng văn phòng Công ty và Nhà máy sản xuất chế biến suất ăn hàng không tại Đà Nẵng.

Không có giá trị TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay.

4.9. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí bảo hiểm phương tiện vận tải	471.333.952	702.908.612
lệ phí đường bộ		
Chi phí thuê mặt bằng, thuê đất	1.750.296.846	617.232.361
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	180.013.715	18.413.125
Chi phí sửa chữa, đào tạo, khác	202.860.858	63.693.376
Cộng	2.604.505.371	1.402.247.474
	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Dài hạn:		
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	367.065.571	114.170.385
Lệ phí đường bộ	47.912.572	514.732.955
Chi phí thuê mặt bằng kinh doanh, khác	290.073.267	105.000.000
Cộng	705.051.410	733.903.340

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNGSân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.10. Vay và nợ thuê tài chính**

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Vay	10.757.659.172	10.757.659.172	34.896.106.293	26.538.624.584	2.400.177.463	2.400.177.463
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	-	-			-	-
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	4.757.659.172	4.757.659.172	28.896.106.293	26.538.624.584	2.400.177.463	2.400.177.463
- Vay cá nhân Lê Bích Hồng	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	8.602.746.832	8.602.746.832	8.602.746.832	1.804.083.337	1.804.083.337	1.804.083.337
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Đà Nẵng	3.276.113.500	3.276.113.500	3.276.113.500	1.804.083.337	1.804.083.337	1.804.083.337
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	4.526.633.332	4.526.633.332	4.526.633.332	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân	800.000.000	800.000.000	800.000.000	-	-	-
Cộng	19.360.406.004	19.360.406.004	43.498.853.125	28.342.707.921	4.204.260.800	4.204.260.800
Dài hạn	17.083.910.406	17.083.910.406	16.624.975.500	12.199.110.454	12.658.045.360	12.658.045.360
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Đà Nẵng	5.681.385.560	5.681.385.560	6.986.703.000	3.303.470.800	1.998.153.360	1.998.153.360
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	10.102.632.846	10.102.632.846	9.638.272.500	7.295.639.654	7.760.000.000	7.760.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân	1.299.892.000	1.299.892.000	-	1.600.000.000	2.899.892.000	2.899.892.000
Cộng	17.083.910.406	17.083.910.406	16.624.975.500	12.199.110.454	12.658.045.360	12.658.045.360

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng theo các hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số 248/2013/VCB-KHDN ngày 16/09/2013:
 - Số tiền vay theo hợp đồng: 175.824 USD;
 - Mục đích sử dụng vốn vay: Mua xe vận chuyển suất ăn;
 - Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày nhận nợ;
 - Lãi suất vay: 6%/năm và được điều chỉnh 1 quý/lần;
 - Tài sản đảm bảo khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay;
- Hợp đồng tín dụng số 202/2014/VCB-KHDN ngày 06/06/2014:
 - Số tiền vay theo hợp đồng: 177.392 USD;
 - Mục đích sử dụng vốn vay: Mua xe vận chuyển suất ăn;
 - Thời hạn vay: 48 tháng kể từ ngày nhận nợ;
 - Lãi suất vay: 5%/năm và được điều chỉnh 1 quý/lần;
 - Tài sản đảm bảo khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay
- Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 326/2015/VCB-KHDN ngày 23/10/2015:
 - Số tiền vay theo hợp đồng: 5.800.000.000 đồng;
 - Mục đích sử dụng vốn vay : Mua sắm 25 xe Hyundai Grand i10 Sedan 1,2MT – Base 05 chỗ phục vụ hoạt động kinh doanh taxi;
 - Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên (trong đó thời gian ân hạn là 2 tháng);
 - Lãi suất vay: 7,23% cố định trong thời hạn 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên cho các khoản vay;
 - Tài sản đảm bảo khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay;
- Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 104/2017/VCB-KHDN ngày 10/10/2017:
 - Số tiền vay theo hợp đồng: 306.358,5 USD;
 - Mục đích sử dụng vốn vay: Mua sắm 3 xe chuyên chở suất ăn phục vụ hoạt động cung ứng thức ăn tại các sân bay ;
 - Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu;
 - Lãi suất vay: Lãi suất cho vay = Lãi suất cơ sở + Margin , Lãi suất cơ sở điều chỉnh một quý một lần, Mức Margin tại ngày ký hợp đồng là 4,2%;
 - Tài sản đảm bảo khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay.

Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Vân theo hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 01/2016/8573287/HĐTĐ ngày 13/06/2016:
 - Số tiền vay theo hợp đồng: 4.000.000.000 đồng;
 - Mục đích sử dụng vốn vay : Đầu tư xây dựng Khu chế biến suất ăn cảng hàng không quốc tế Phú Bài;
 - Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày Bên vay rút khoản vay đầu tiên;
 - Lãi suất vay: Khoản giải ngân từ ngày ký Hợp đồng tín dụng đến hết năm 2016 áp dụng lãi suất 10%/năm. Từ năm 2017, lãi suất sẽ được điều chỉnh;
 - Tài sản đảm bảo khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng theo hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTDDA/NHCT480-MASCO ngày 20/09/2016
 - Số tiền vay theo hợp đồng: 4.876.500.000 đồng;
 - Mục đích sử dụng vốn vay : Dùng để thanh toán nguồn tài chính đã sử dụng để thực hiện Dự án: Dự án tái tài trợ khoản vay mua sẵn 25 xe Hyundai Grand i10 Sedan 1.2MT – Base 05 chỗ phục vụ hoạt động kinh doanh taxi tại NHTMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng;
 - Thời hạn vay: 50 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, nhưng không quá ngày 26/10/2016;
 - Lãi suất vay: là lãi suất được ghi trên từng Giấy nhận nợ tại ngày giải ngân;
 - Tài sản đảm bảo khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng số 01/2017-HĐCVTL/NHCT480-MASCO ngày 12/04/2017:
 - Số tiền vay theo hợp đồng: 1.472.000.000 đồng;
 - Mục đích sử dụng vốn vay: Dùng để thanh toán chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án mua 05 xe ô tô hiệu Nissan Sunny;
 - Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên;
 - Lãi suất vay: là lãi suất được ghi trên từng Giấy nhận nợ tại ngày giải ngân;
 - Tài sản đảm bảo khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng số 02/2017-HĐCVTL/NHCT480-MASCO ngày 15/05/2017:
 - Số tiền vay theo hợp đồng: 1.909.000.000 đồng;
 - Mục đích sử dụng vốn vay: Dùng để thanh toán chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án mua 02 xe ô tô hiệu Ford Ranger;
 - Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên;
 - Lãi suất vay: là lãi suất được ghi trên từng Giấy nhận nợ tại ngày giải ngân;
 - Tài sản đảm bảo khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả cho người bán	19.062.249.299	19.062.249.299	15.060.563.680	15.060.563.680
Công ty TNHH Phân phối Thực phẩm Toàn Cầu	2.189.101.316	2.189.101.316	2.591.988.309	2.591.988.309
Lê Ngọc Thịnh	1.341.666.461	1.341.666.461	1.248.232.166	1.248.232.166
Nguyễn Ngọc Anh	1.257.204.800	1.257.204.800	968.268.600	968.268.600
Các nhà cung cấp khác	14.274.276.722	14.274.276.722	10.252.074.605	10.252.074.605
Cộng	19.062.249.299	19.062.249.299	15.060.563.680	15.060.563.680

4.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2017		Trong năm		Tại ngày 31/12/2017	
	Phải nộp	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/Bù trừ	Phải thu	Phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	26.991.157.083	27.199.122.446	-	207.965.363	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.343.708.683	9.960.477.674	12.199.212.349	-	-	104.974.008
Thuế thu nhập cá nhân	125.960.831	1.492.976.745	1.390.532.778	-	-	228.404.798
Thuế môn bài	-	9.000.000	9.000.000	-	-	-
Cộng	2.469.669.514	38.453.611.502	40.797.867.573	207.965.363	333.378.806	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Lãi vay dự chi	174.925.294	68.159.726
Chi phí khác	-	367.480.000
Cộng	174.925.294	435.639.726

4.14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Đào tạo lái xe ô tô, mô tô tại TTDN Đà Nẵng	1.204.405.248	1.312.861.619
Đào tạo lái xe ô tô, mô tô tại TTDN TTH	29.788.044	840.650.350
Doanh thu quảng cáo	621.600.000	648.300.000
Cộng	1.855.793.292	2.801.811.969

4.15. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoàn	33.479.511	133.129.650
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	786.402.926	717.310.292
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	227.350.000	6.038.025.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.908.779.334	4.772.765.087
Phải trả tiền trách nhiệm lái xe taxi	1.980.196.169	2.562.546.169
Phải trả tiền trách nhiệm giáo viên lái xe TTDN	100.000.000	120.000.000
Phải trả tiền bán vé máy bay	337.558.202	119.039.201
Cổ tức phải trả	165.800.408	34.897.348
Phải trả khác	1.325.224.555	1.936.282.369
Cổ tức phải trả cho bên liên quan - Xem thêm mục 8	6.165.060.000	-
Cộng	11.121.071.771	11.661.230.029
Dài hạn:		
Tại TT đào tạo lái xe ô tô, mô tô Đà Nẵng	1.640.000.000	1.640.000.000
Tại TT đào tạo lái xe ô tô, mô tô Thừa Thiên Huế	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	3.640.000.000	3.640.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNGSân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.16. Vốn chủ sở hữu****4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	30.088.160.000	803.208.113	25.378.996.618	56.270.364.731
Lãi trong năm trước	-	-	44.664.210.089	44.664.210.089
Phân phối lợi nhuận trong năm trước	-	-	(38.159.822.819)	(38.159.822.819)
Tại ngày 01/01/2017	30.088.160.000	803.208.113	31.883.383.888	62.774.752.001
Tăng vốn trong năm nay	12.588.670.000	-	-	12.588.670.000
Lãi trong năm nay	-	-	39.650.285.347	39.650.285.347
Phân phối lợi nhuận trong năm nay	-	-	(50.154.366.810)	(50.154.366.810)
Tại ngày 31/12/2017	42.676.830.000	803.208.113	21.379.302.425	64.859.340.538

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Vốn góp của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	15.412.650.000	10.854.050.000
Vốn góp của các đối tượng khác	27.264.180.000	19.234.110.000
Cộng	42.676.830.000	30.088.160.000

(*) Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 số 12/NQ-ĐHĐCĐBT-DVĐN ngày 21/10/2016, Đại hội đồng cổ đông bất thường đã thông qua chủ trương tăng vốn Điều lệ từ 30.088.160.000 đồng lên 42.724.930.000 đồng để bổ sung vốn triển khai các dự án đầu tư của Công ty. Ngày 11/01/2017, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 01/GCN-UBCK, tiếp đó ngày 13/01/2017 Công ty đã gửi Thông báo số 18/TB-DVĐN đến Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu là ngày 08/02/2017, thời gian đăng ký dự kiến mua từ ngày 16/02/2017 đến ngày 10/03/2017. Ngày 19/05/2017, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đã có Thông báo số 656/TB-SGDHN về việc "Thông báo ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu niêm yết bổ sung Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng (MCK:MAS)". Theo đó, tổng số cổ phiếu phân phối thành công là 1.258.867 cổ phiếu, số cổ phiếu của Công ty sau khi phân phối thêm 42.676.830.000 đồng và ngày giao dịch chính thức đầu tiên của cổ phiếu MAS là ngày 29/05/2017.

4.16.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	30.088.160.000	30.088.160.000
Vốn góp tăng trong năm	12.588.670.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	42.676.830.000	30.088.160.000
Cổ tức đã chia	38.197.691.740	35.561.118.075

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.16.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.267.683	3.008.816
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.267.683	3.008.816
<i>Bao gồm: Cổ phiếu phổ thông</i>	4.267.683	3.008.816
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Bao gồm: Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.267.683	3.008.816
<i>Bao gồm: Cổ phiếu phổ thông</i>	4.267.683	3.008.816
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

4.16.5. Lợi nhuận chưa phân phối

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	31.883.383.888	25.378.996.618
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	39.650.285.347	44.664.210.089
Phân phối lợi nhuận	50.154.366.810	38.159.822.819
Phân phối lợi nhuận năm trước	31.792.122.800	24.914.528.000
<i>Chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát</i>	193.200.000	144.000.000
<i>Chia LN cho các bên theo HĐ hợp tác đầu tư</i>	-	-
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng BĐH</i>	4.200.000.000	700.000.000
<i>Chia cổ tức</i>	27.398.922.800	24.070.528.000
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	18.362.244.010	13.245.294.819
<i>Chia cổ tức</i>	17.070.732.000	12.035.264.000
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	134.000.000	-
<i>Chia LN cho các bên theo HĐ hợp tác đầu tư</i>	1.157.512.010	1.210.030.819
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm	21.379.302.425	31.883.383.888

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm trước theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 07/NQ-ĐHĐCĐ-DVĐN ngày 21/04/2017. Đồng thời tạm phân phối lợi nhuận năm nay theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 09/NQ-HĐQT ngày 15/08/2017.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.16.6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	39.650.285.347	44.664.210.089
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	134.000.000	4.200.000.000
Lợi nhuận chia theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	1.157.512.010	1.210.030.819
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	3.791.728	3.008.816
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.116	13.046

4.16.7. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	39.650.285.347	44.664.210.089
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm LNST	(1.291.512.010)	(5.410.030.819)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	1.291.512.010	5.410.030.819
+ LN chia theo hợp đồng hợp tác kinh doanh)	1.157.512.010	1.210.030.819
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	134.000.000	4.200.000.000
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	38.358.773.337	39.254.179.270
Số lượng CP phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	3.791.728	3.008.816
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm (*)	-	1.258.867
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	10.116	9.198

Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2016 được tính lại giảm trừ quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2016 được tính lại điều chỉnh số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm theo số phát hành thực tế năm 2017.

4.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngoại tệ các loại		
+ USD	29.183,18	356.875,09

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu:		
Doanh thu bán hàng	17.962.383.583	19.173.075.414
Doanh thu bán thành phẩm	307.006.000	7.042.342.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	279.121.078.586	274.004.632.988
Cộng	297.390.468.169	300.220.050.402
Doanh thu đối với các bên liên quan - Xem thêm mục 8	97.566.164.617	100.122.070.201

5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	3.506.128.304	3.231.119.435
Giảm giá hàng bán	34.545.455	7.000.000
Hàng bán bị trả lại	857.345.999	869.913.000
Cộng	4.398.019.758	4.108.032.435

5.3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	9.704.424.144	10.394.837.977
Giá vốn của thành phẩm đã bán	314.886.638	7.095.950.233
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	206.708.087.131	199.249.555.886
Cộng	216.727.397.913	216.740.344.096

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	130.519.133	146.256.147
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	247.332.499	319.947.060
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	53.378.912
Chiết khấu thanh toán	-	30.151.202
Cộng	377.851.632	549.733.321

5.5. Chi phí tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.015.675.851	1.030.634.458
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	30.768.287	80.341.461
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	104.819.148	-
Cộng	2.151.263.286	1.110.975.919

5.6. Chi phí bán hàng

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí cho nhân viên	3.377.165.217	3.515.824.090
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	3.230.394.526	3.431.205.248
Các khoản chi phí bán hàng khác	1.085.160.918	968.119.317
Cộng	7.692.720.661	7.915.148.655

5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.605.589.098	9.449.398.780
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.755.335.454	1.083.704.006
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.976.930.899	7.276.139.002
Cộng	20.337.855.451	17.809.241.788

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.8. Thu nhập khác**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Nhập kho hàng tân dụng	196.466.258	98.410.434
Thu nhập từ hỗ trợ bán hàng	703.900.000	271.620.000
Thu nhập khác	124.779.535	22.125.808
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	2.470.000.000	2.711.562.459
Cộng	3.495.145.793	3.103.718.701

5.9. Chi phí khác

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi thường tân dụng	66.305.000	43.102.598
Chi phí xuất hủy hàng	19.327.323	11.951.560
Chi phí khác	404.340.261	510.921.334
Cộng	489.972.584	565.975.492

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	49.466.235.941	55.623.784.039
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	404.338.733	513.698.001
Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ)	404.338.733	513.698.001
Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	49.870.574.674	56.137.482.040
Thu nhập chịu thuế từ các trung tâm dạy nghề	3.064.788.245	2.813.681.453
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động được ưu đãi	2.928.496.110	2.679.224.552
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động khác	136.292.135	134.456.901
Thu nhập chịu thuế của Công ty	46.805.786.429	53.323.800.587
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
Thuế suất thuế TNDN hoạt động ưu đãi	10%	10%
Thuế suất thuế TNDN hoạt động khác	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.974.114.936	11.227.496.405
Thuế Thu nhập doanh nghiệp hoạt động ưu đãi	585.699.222	535.844.910
Thuế Thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động khác	9.388.415.714	10.691.651.495
Thuế Thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	292.849.611	267.922.455
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.815.950.594	10.959.573.950
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	9.681.265.325	12.350.246.048
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	134.685.269	-

5.11. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	102.750.519.411	113.266.470.838
Chi phí nhân công	72.745.890.264	68.857.519.936
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.176.671.384	18.227.643.285
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.262.722.870	22.991.254.194
Chi phí khác bằng tiền	18.264.840.273	19.145.158.789
Cộng	236.200.644.202	242.488.047.042

BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****6.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	51.498.109.293	20.100.595.191
Cộng	51.498.109.293	20.100.595.191

6.2. Số tiền thực trả gốc vay trong kỳ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	31.933.339.308	17.336.039.577
Cộng	31.933.339.308	17.336.039.577

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

	Thành phố Đà Nẵng		Tỉnh Khánh Hòa		Tỉnh Thừa Thiên Huế		Năm 2017	Năm 2016	Năm 2015
	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016			
Doanh thu	142.753.398.260	146.931.102.143	137.895.108.740	137.792.484.151	16.741.961.169	15.496.464.108	297.390.468.		
Các khoản giảm trừ doanh thu	2.322.994.832	2.445.999.077	1.781.047.861	1.389.877.170	293.977.065	272.156.188	4.398.019.		
Giá vốn	111.047.015.620	115.831.176.682	93.290.655.103	89.426.468.234	12.389.727.190	11.482.699.180	216.727.397.!		
Lợi nhuận gộp	29.383.387.808	28.653.926.384	42.823.405.776	46.976.138.747	4.058.256.914	3.741.608.740	76.265.050.!		
Tài sản cố định	53.083.654.119	42.479.698.290	30.891.054.953	22.481.891.112	8.012.506.193	7.671.412.853	91.987.215.!		
- Nguyên giá	113.958.671.428	101.071.876.962	50.715.887.801	36.582.220.699	22.680.908.001	18.488.109.147	187.355.467.!		
- Hao mòn lũy kế	(60.875.017.309)	(58.592.178.672)	(19.824.832.848)	(14.100.329.587)	(14.668.401.808)	(10.816.696.294)	(95.368.251.!		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	Công ty đầu tư
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu/phải trả với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 31/12/2017 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2017 VND</u>
Phải thu khách hàng:		
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	1.304.966.299	3.370.612.259
Cộng - Xem thêm mục 4.2	<u>1.304.966.299</u>	<u>3.370.612.259</u>

	<u>Tại ngày 31/12/2017 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2017 VND</u>
Cổ tức phải trả:		
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	6.165.060.000	-
Cộng - Xem thêm mục 4.15	<u>6.165.060.000</u>	<u>-</u>

Trong năm Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2017 VND</u>	<u>Năm 2016 VND</u>
Cung cấp dịch vụ:		
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	97.566.164.617	100.122.070.201
Cộng - Xem thêm mục 5.1	<u>97.566.164.617</u>	<u>100.122.070.201</u>

	<u>Năm 2017 VND</u>	<u>Năm 2016 VND</u>
Cổ tức đã trả		
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	9.890.174.000	13.024.860.000
Cộng	<u>9.890.174.000</u>	<u>13.024.860.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thù lao và thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được chi tiết như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thù lao Hội đồng quản trị	138.000.000	138.000.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	3.254.778.544	2.053.032.409
Cộng	3.585.978.544	2.191.032.409

9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thù lao Ban kiểm soát	54.300.000	54.300.000

10. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản nợ, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Công ty.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Công ty có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.
- Rủi ro thị trường: Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Công ty chỉ có rủi ro về lãi suất.

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng quản trị của Công ty đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Công ty. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất đối với các hợp đồng vay theo lãi suất thả nổi. Bảng dưới đây cung cấp chi tiết các khoản nợ theo từng loại lãi suất:

Để quản lý rủi ro về lãi suất, Công ty duy trì một cơ cấu hợp lý giữa lãi suất thả nổi và lãi suất cố định.

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Nợ tài chính		
Theo lãi suất thả nổi	30.444.316.410	14.462.128.697
Theo lãi suất cố định	6.000.000.000	2.400.177.463
Cộng	36.444.316.410	16.862.306.160

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Nguyễn Thanh Đông
 Tổng Giám đốc
 Đà Nẵng, ngày 25 tháng 01 năm 2018

Phan Hữu Tâm
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Huyền
 Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THANH ĐÔNG



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Quận Hải Châu, Thành Phố Đà Nẵng

Điện thoại: 0236.3830340

Fax: 0236.3826133